

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	
1	1223360220	Nguyễn Hồng	Ái	11/05/2007	01DH15C1	8,0	7,0	7,3		7,0		7,1	Đạt
2	1223360187	Phạm Đăng Gia	An	04/07/2007	01DN15C1	8,0	7,0	7,3		7,0		7,1	Đạt
3	1223360207	Lê Quốc	An	17/12/2007	01DS15C1	7,0	7,0	7,0		7,5		7,3	Đạt
4	1223360158	Trần Trường	An	21/05/2007	01MK15C1	8,0	7,0	7,3		7,5		7,4	Đạt
5	1223360150	Mạc Duy	An	07/08/2007	01TM15C1	7,0	7,0	7,0		8,5		7,9	Đạt
6	2223360139	Lâm Tâm	An	14/11/2007	02DS15C1	10,0	6,0	7,3		5,0		5,9	Đạt
7	2223360293	Nguyễn Văn	An	13/11/2007	02DS15C1	6,0	7,0	6,7		5,0		5,7	Đạt
8	2223360314	Hồ Hoài	An	17/11/2007	02DD15C1	6,0	7,0	6,7		6,0		6,3	Đạt
9	2223240146	Bùi Hoài	An	25/01/2004	02YS15A2	9,0	7,0	7,7		7,0		7,3	Đạt
10	2223360523	Phạm Thị Thiên	An	03/06/2007	02DD15C1	9,0	9,0	9,0		8,0		8,4	Đạt
11	1223240037	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	10/09/1995	02KT15E1	10,0	10,0	10,0		9,0		9,4	Đạt
12	1223360038	Trần Tuyết	Anh	20/09/2007	01DN15C1	10,0	9,0	9,3		10,0		9,7	Đạt
13	1223360212	Phạm Minh	Anh	16/06/2007	01DD15C1	10,0	10,0	10,0		10,0		10,0	Đạt
14	1223240058	Phạm Nguyễn Tuấn	Anh	14/02/2002	01YS15A1	10,0	6,0	7,3		10,0		8,9	Đạt
15	1223360240	Nguyễn Hoàng	Anh	10/04/2007	01PM15C1	9,0	9,5	9,3		9,5		9,4	Đạt
16	1223360248	Vũ Bùi Quốc	Anh	02/05/2007	01PM15C1	9,5	9,0	9,2		8,5		8,8	Đạt
17	1223360231	Dương Tuấn	Anh	21/02/2007	01DS15C1	7,0	7,0	7,0		8,5		7,9	Đạt
18	1223360223	Nguyễn Hoài Phương	Anh	18/02/2007	01DD15C1	7,0	7,5	7,3		7,5		7,4	Đạt
19	1223360081	Hoàng Kỳ	Anh	19/08/2007	01TM15C1	9,0	9,0	9,0		9,0		9,0	Đạt
20	1223360149	Phạm Lan	Anh	14/05/2007	01DS15C1	7,0	7,0	7,0		9,0		8,2	Đạt
21	2223360002	Võ Duy	Anh	06/10/2000	02DH15D1	8,0	9,0	8,7		8,0		8,3	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
								4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1
	1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	
22	2223240006	Nguyễn Trần Hiếu	Anh	28/03/1993	02DS15B1	7,0	8,0	7,7		8,0		7,9	Đạt
23	2223360130	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	28/01/2004	02DH15C1	7,0	7,0	7,0		7,0		7,0	Đạt
24	2223240068	Vưu Kim	Anh	28/02/1999	02DS15B2	9,0	7,5	8,0		7,5		7,7	Đạt
25	2223240082	Trần Tuấn	Anh	01/04/2001	02DS15B2	7,0	8,0	7,7		8,0		7,9	Đạt
26	2223240140	Trần Thị Vân	Anh	08/04/2001	02YS15B1	9,0	8,5	8,7		10,0		9,5	Đạt
27	2223360053	Trần Minh Trâm	Anh	16/02/2005	02DD15C1	10,0	9,0	9,3		7,0		7,9	Đạt
28	3223240024	Ngô Tú	Anh	23/11/1996	02KT15E2	7,5	7,5	7,5		7,5		7,5	Đạt
29	2223360480	Nguyễn Kim	Anh	03/02/2000	02DD15C2	8,0	9,0	8,7		8,0		8,3	Đạt
30	2223360127	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	21/12/2007	02DS15C1	8,0	9,0	8,7		7,0		7,7	Đạt
31	2223360208	Trần Trọng	Anh	03/08/2003	02PM15C1	8,0	9,0	8,7		9,0		8,9	Đạt
32	2223360284	Hà Bảo	Anh	03/09/2007	02DD15C1	5,0	5,0	5,0		6,0		5,6	Đạt
33	2223360315	Đinh Duy	Anh	25/06/2007	02PM15C1	5,0	9,0	7,7		8,0		7,9	Đạt
34	2223360565	Phạm Mai	Anh	10/10/2006	02DH15C3	5,0	6,0	5,7		5,0		5,3	Đạt
35	2223240193	Nguyễn Thị Vân	Anh	18/04/1999	02KT15E2	7,5	7,5	7,5		8,0		7,8	Đạt
36	2223240251	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	21/04/2002	02DS15B2	7,0	7,5	7,3		7,5		7,4	Đạt
37	2223360526	Nguyễn Đức	Anh	29/06/1996	02MK15D1	7,5	8,5	8,2		7,0		7,5	Đạt
38	2223360410	Phạm Bùi Duy	Anh	26/09/2007	02PM15C2	6,0	7,0	6,7		5,0		5,7	Đạt
39	2223360525	Nguyễn Đức	Anh	26/02/2006	02DH15C3	7,5	8,5	8,2		7,0		7,5	Đạt
40	1223240080	Lê Thị Ngọc	Ánh	19/05/2004	01DN15A1	10,0	6,0	7,3		9,0		8,3	Đạt
41	3223240009	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	13/08/2001	02KT15E2	10,0	10,0	10,0		10		10,0	Đạt
42	2223360187	Nguyễn Hoàng Ngọc	Ánh	16/03/2007	02DD15C1	5,0	7,0	6,3		5,0		5,5	Đạt
43	2223240149	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	31/07/2001	02DS15A2	9,0	9,0	9,0		9,0		9,0	Đạt
44	2223360270	Đặng Hồng	Ánh	30/11/2007	02DH15C2	9,0	9,0	9,0		8,0		8,4	Đạt
45	2223360083	Nguyễn Quốc	Ân	01/05/2006	02DD15C1	9,5	8,0	8,5		7,0		7,6	Đạt
46	2223360235	Lê Hoàng Thiên	Ân	26/07/2007	02MK15C1	6,0	5,0	5,3		9,0		7,5	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	
47	2223360264	Huỳnh Trọng	Ân	30/01/2007	02MK15C1	6,0	9,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
48	2223360329	Du Quế	Ân	10/07/2007	02DL15C1	6,0	9,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
49	2223240168	Võ Hoài	Ân	19/07/2004	02DS15A2	9,0	9,0	9,0		8,0		8,4	Đạt
50	1223360012	Lê Phước Gia	Bảo	14/05/2004	01TM15C1	10,0	9,8	9,8		10,0		9,9	Đạt
51	1223360062	Nguyễn Lâm Gia	Bảo	07/11/2007	01DS15C1	10,0	8,0	8,7		10,0		9,5	Đạt
52	1223360257	Đỗ Nguyễn Thiên	Bảo	22/09/2007	01TM15C1	8,0	5,0	6,0		7,0		6,6	Đạt
53	1223360238	Nguyễn Quốc	Bảo	24/02/2007	01DH15C1	7,5	7,0	7,2		8,0		7,7	Đạt
54	1223360090	Nguyễn Duy	Bảo	09/09/2007	01TM15C1	9,0	7,0	7,7		8,5		8,2	Đạt
55	1223360112	Trịnh Hoàng Gia	Bảo	19/08/2007	01PM15C1	8,0	6,5	7,0		7,5		7,3	Đạt
56	1223360137	Ngô Trần Gia	Bảo	28/12/2007	01DD15C1	7,0	6,0	6,3		7,5		7,0	Đạt
57	2223240014	Bùi Chí	Bảo	22/01/2000	02YS15B1	10,0	8,0	8,7		9,0		8,9	Đạt
58	2223360010	Nguyễn Thái	Bảo	16/08/2003	02DN15C1	8,0	7,5	7,7		7,5		7,6	Đạt
59	2223360190	Châu Quốc	Bảo	20/10/2003	02DS15C1	9,0	8,0	8,3		8,0		8,1	Đạt
60	2223360239	Phạm Minh Gia	Bảo	21/03/2007	02PM15C1	6,0	9,0	8,0		7,0		7,4	Đạt
61	2223360269	Nguyễn Hữu	Bảo	20/09/2007	02PM15C1	8,0	6,0	6,7		7,0		6,9	Đạt
62	2223360302	Phan Nguyễn Gia	Bảo	23/12/2007	02PM15C1	6,0	9,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
63	2223360333	Đoàn Lâm Thiện	Bảo	28/11/2007	02PM15C1	6,0	7,0	6,7		7,0		6,9	Đạt
64	2223360500	Nguyễn Hoàng Quốc	Bảo	10/09/2007	02PM15C2	8,0	7,0	7,3		7,0		7,1	Đạt
65	2223360558	Nguyễn Duy	Bảo	13/11/2006	02PM15C2	9,0	7,0	7,7		9,0		8,5	Đạt
66	1223360083	Nguyễn Lý Tiến	Bằng	26/09/2006	01DS15C1	10,0	8,5	9,0		10,0		9,6	Đạt
67	2223360275	Nguyễn Ngọc	Bích	24/07/2007	02DS15C1	6,0	6,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
68	1223360073	Ngô Thanh	Bìn	12/04/2007	01TM15C1	7,5	7,5	7,5		7,5		7,5	Đạt
69	1223360140	Nguyễn	Bình	18/03/2001	01YS15C1	9,0	9,0	9,0		9,0		9,0	Đạt
70	2223360213	Nguyễn Tấn	Bình	30/10/2006	02DH15C1	6,0	7,0	6,7		9,0		8,1	Đạt
71	2223360547	Bùi Thanh	Bình	01/06/2007	02PM15C2	7,0	7,0	7,0		7,0		7,0	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
72	1223360123	Nguyễn Bính	18/01/2007	01PM15C1	8,0	9,0	8,7		9,0		8,9	Đạt
73	3223240007	Đặng Trần Thi Ca	20/02/1997	02KT15E2	10,0	10,0	10,0		10		10,0	Đạt
74	1223360186	Võ Thành Công	08/12/2007	01TM15C1	8,0	8,0	8,0		8,5		8,3	Đạt
75	2223360166	Dương Minh Công	28/09/2007	02PL15C1	7,0	9,0	8,3		6,0		6,9	Đạt
76	2223360337	Nguyễn Viết Thành Công	20/10/2007	02KT15C1	6,0	7,0	6,7		6,0		6,3	Đạt
77	3223240022	Trần Thị Hồng Cúc	10/02/1998	02KT15A1	10,0	9,0	9,3		9,0		9,1	Đạt
78	1223360241	Nguyễn Hùng Cường	07/04/2007	01PM15C1	9,0	9,0	9,0		9,0		9,0	Đạt
79	2223360086	Lê Chí Cường	21/03/2003	02DH15C1	7,0	7,0	7,0		7,5		7,3	Đạt
80	2223360054	Nguyễn Chí Cường	07/10/2000	02DS15D2	9,0	7,0	7,7		7,5		7,6	Đạt
81	2223360132	Huỳnh Quốc Cường	05/07/1999	02DN15D1	8,0	8,0	8,0		10,0		9,2	Đạt
82	3223240029	Trần Thị Hoài Châm	13/06/1994	02KT15E2	8,5	8,5	8,5		9,0		8,8	Đạt
83	2223360091	Đồng Hương Thảo Chân	04/06/1999	02MK15D1	10,0	9,0	9,3		8,0		8,5	Đạt
84	1223240021	Phạm Thị Ngọc Châu	03/04/2001	02KT15E1	7,0	7,5	7,3		7,5		7,4	Đạt
85	2223240134	Nguyễn Thị Mỹ Châu	01/01/1995	02KT15B1	8,0	8,0	8,0		10,0		9,2	Đạt
86	2223240061	Nguyễn Phúc Bảo Châu	02/07/2003	02DH15A1	10,0	7,0	8,0		9,0		8,6	Đạt
87	2223360219	Nguyễn Ngọc Minh Châu	20/10/2007	02DH15C1	7,0	8,0	7,7		9,0		8,5	Đạt
88	1223360213	Trần Hoàng Kim Chi	27/12/2007	01DD15C1	10,0	10,0	10,0		10,0		10,0	Đạt
89	1223360245	Lâm Thị Yến Chi	07/10/2007	01KT15C1	8,0	7,5	7,7		6,0		6,7	Đạt
90	1223360125	Huỳnh Thị An Chi	18/08/2007	01DD15C1	7,0	7,5	7,3		6,5		6,8	Đạt
91	2223180016	Lương Thị Kim Chi	30/09/1979	02DS15B1	10,0	10,0	10,0		10,0		10,0	Đạt
92	2223360245	Bùi Yến Chi	05/04/2007	02YS15C1	9,0	5,0	6,3		9,0		7,9	Đạt
93	2223240046	Nguyễn Minh Chiến	10/02/1998	02KT15B1	10,0	10,0	10,0		10,0		10,0	Đạt
94	2223240201	Hà Thị Mỹ Chinh	03/01/2004	02DD15A2	8,0	9,0	8,7		6,0		7,1	Đạt
95	2223360223	Võ Văn Chung	21/06/2007	02DS15C1	10,0	7,0	8,0		9,0		8,6	Đạt
96	1223360131	Phùng Thị Tú Diễm	06/06/2007	01DS15C1	7,0	7,0	7,0		7,5		7,3	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	
97	2223240007	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	15/12/1984	02DD15B1	9,5	8,0	8,5		9,0		8,8	Đạt
98	2223360256	Nguyễn Thuý	Diễm	21/01/2007	02DH15C2	8,0	6,0	6,7		8,0		7,5	Đạt
99	1223360210	Nguyễn Thị Thanh	Diệu	31/11/2007	01DD15C1	7,5	7,0	7,2		6,5		6,8	Đạt
100	2223360087	Nguyễn Hoàng	Dinh	27/09/2002	02PM15C1	6,0	7,0	6,7		9,0		8,1	Đạt
101	2223360050	Quách Khả	Doanh	14/04/2006	02DS15C1	8,0	5,0	6,0		8,0		7,2	Đạt
102	2223240100	Nguyễn Hoàng	Dung	24/02/2000	02DS15B2	9,0	8,5	8,7		6,0		7,1	Đạt
103	2223240109	Lê Thị Thùy	Dung	21/03/2000	02KT15B1	6,0	8,0	7,3		10,0		8,9	Đạt
104	2223360202	Nguyễn Thị Mai	Dung	16/06/2007	02DS15C1	8,0	8,0	8,0		7,0		7,4	Đạt
105	2223360540	Huỳnh Thị Phương	Dung	28/05/2002	02DL15C1	9,0	8,0	8,3		8,0		8,1	Đạt
106	2223360095	Dương Đình	Dũng	19/09/2001	02PL15C1	7,0	7,0	7,0				2,8	Thi lại
107	2223360308	Trần Trí	Dũng	29/08/2007	02PM15C1	5,0	9,0	7,7		8,0		7,9	Đạt
108	2223360509	Trần Anh	Dũng	17/11/2003	02MK15D1	10,0	10,0	10,0		10,0		10,0	Đạt
109	1223360018	Đinh Hải	Duy	10/08/1997	01YS15C1	10,0	10,0	10,0		10,0		10,0	Đạt
110	1223360139	Hồ Trung	Duy	16/06/2007	01YS15C1	10,0	10,0	10,0		10,0		10,0	Đạt
111	1223360206	Phạm Trà Hải	Duy	01/03/2007	01DS15C1	9,5	7,5	8,2		8,0		8,1	Đạt
112	1223360246	Sơn Hữu	Duy	04/07/2007	01DD15C1	7,5	8,0	7,8		8,5		8,2	Đạt
113	2223360030	Nguyễn Thị Khánh	Duy	20/09/2005	02DS15C1	6,0	7,0	6,7		6,0		6,3	Đạt
114	2223360519	Nguyễn Quang	Duy	10/09/2006	02TM15C1	8,0	9,0	8,7		5,0		6,5	Đạt
115	2223240223	Hồ Đức	Duy	06/12/2004	02YS15A2	8,0	7,0	7,3		9,0		8,3	Đạt
116	2223360035	Lê Quang	Duyên	03/08/1993	02DS15D2	10,0	8,5	9,0		8,0		8,4	Đạt
117	2223240034	Đặng Thị Mỹ	Duyên	24/06/1994	02DD15B1	10,0	8,5	9,0				3,6	Thi lại
118	2223360143	Phạm Ngọc	Duyên	13/11/2006	02PM15C1	5,0	8,0	7,0		5,0		5,8	Đạt
119	2223240257	Nguyễn Lê Kỳ	Duyên	20/05/1994	02DD15A2	9,0	8,0	8,3		9,0		8,7	Đạt
120	1223360031	Lê Vũ Thùy	Dương	20/11/1999	02KT15E1	8,0	8,5	8,3		8,5		8,4	Đạt
121	1223360025	Nguyễn Thị Thuý	Dương	05/11/2007	01DH15C1	8,0	8,0	8,0		7,5		7,7	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	
122	1223360059	Trần Thùy	Dương	08/02/2007	01DS15C1	8,0	7,5	7,7		7,0		7,3	Đạt
123	1223360182	Trần Quốc	Dương	08/01/2007	01PM15C1	9,5	8,5	8,8		9,0		8,9	Đạt
124	1223360136	Nguyễn Ngọc Hải	Dương	21/07/2007	01PM15C1	7,0	6,0	6,3				2,5	Thi lại
125	1223360133	Trần Khánh	Dương	21/08/2007	01MK15C1	10,0	9,0	9,3		10,0		9,7	Đạt
126	2223240076	Trần Đức	Dương	13/04/2000	02DD15B1	9,0	8,0	8,3		7,5		7,8	Đạt
127	2223240141	Đỗ Thị Thùy	Dương	08/07/2002	02DS15B2	6,0	8,0	7,3		10,0		8,9	Đạt
128	2223360313	Nguyễn Nhật Tùng	Dương	27/07/2006	02DL15C1	6,0	10,0	8,7		8,0		8,3	Đạt
129	2223360102	Nguyễn Thị	Dưỡng	22/09/2002	02MK15D1	9,0	8,5	8,7		10,0		9,5	Đạt
130	2223360109	Nguyễn Hồ Linh	Đan	12/03/2007	02DS15C1	9,0	7,0	7,7		8,0		7,9	Đạt
131	1223360191	Phạm Thị Hồng	Đào	17/10/2007	01YS15C1	9,0	7,5	8,0		7,5		7,7	Đạt
132	3223240004	Nguyễn Thị Anh	Đào	18/01/1995	02KT15E2	10,0	10,0	10,0		10,0		10,0	Đạt
133	1223360051	Võ Tấn	Đạt	07/03/2007	01DD15C1	8,0	6,5	7,0		7,5		7,3	Đạt
134	1223360094	Nguyễn Thành	Đạt	05/03/2007	01PM15C1	8,0	7,5	7,7		9,5		8,8	Đạt
135	2223240050	Lê Khắc	Đạt	08/10/1999	02YS15B1	8,5	9,0	8,8		10,0		9,5	Đạt
136	2223360225	Ung Tấn	Đạt	15/11/2007	02PM15C1	10,0	10,0	10,0		10,0		10,0	Đạt
137	2223360238	Lê Đình	Đạt	29/01/2007	02TM15C1	8,0	5,0	6,0		7,0		6,6	Đạt
138	2223360263	Đình Hiền	Đạt	21/08/2007	02DL15C1	9,0	5,0	6,3		9,0		7,9	Đạt
139	2223240204	Lâm Sơn	Đạt	03/09/2003	02TM15A1	9,0	7,0	7,7		10,0		9,1	Đạt
140	2223240225	Nguyễn Quốc	Đạt	19/11/2004	02YS15A2	9,0	9,0	9,0		8,0		8,4	Đạt
141	2223360543	Nguyễn Phước	Đạt	20/05/2007	02PM15C2	9,0	7,0	7,7		8,0		7,9	Đạt
142	1223360157	Ngô Khánh	Đảng	02/12/2007	01DD15C1	10,0	8,5	9,0		8,5		8,7	Đạt
143	2223360516	Huỳnh Hải	Đảng	22/12/2006	02PM15C2	9,0	6,0	7,0		10,0		8,8	Đạt
144	2223240025	Cao Minh	Điền	26/07/2000	02DS15B1	9,5	8,0	8,5		7,0		7,6	Đạt
145	2223240079	Bùi Thị	Điệp	15/06/1998	02DS15A2	7,0	9,0	8,3		9,5		9,0	Đạt
146	1223240034	Đình Thị Yến	Đình	16/06/1995	01YS15A1	10,0	10,0	10,0		10,0		10,0	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	
147	2223240191	Lại Gia	Định	09/08/2004	02YS15A2	7,0	7,0	7,0		8,0		7,6	Đạt
148	1223360052	Đặng Nguyễn Thục	Đoan	22/12/2007	01DD15C1	7,0	7,5	7,3		6,5		6,8	Đạt
149	2223360212	Nguyễn Hoàng Thục	Đoan	30/06/2006	02MK15C1	6,0	6,0	6,0		6,0		6,0	Đạt
150	3223240021	Phan Thị	Đô	02/09/1990	02KT15E2	6,5	7,5	7,2		7		7,1	Đạt
151	2223240130	Nguyễn Gia	Đông	25/01/1996	02DS15A2	10,0	8,0	8,7		9,0		8,9	Đạt
152	2223240186	Lê Hồ Thanh	Đông	24/03/1997	02DS15B2	10,0	10,0	10,0		10,0		10,0	Đạt
153	1223360080	Phạm Thành	Đức	30/09/2007	01PM15C1	9,0	9,0	9,0		8,5		8,7	Đạt
154	2223240036	Nguyễn Trọng	Đức	10/06/1987	02DS15B2	10,0	10,0	10,0		10,0		10,0	Đạt
155	1223360268	Bùi Tuấn	Được	27/09/2007	01TM15C1	8,0	5,0	6,0		7,0		6,6	Đạt
156	2223360493	Võ Tấn	Được	19/08/2002	02PM15C2	8,0	9,0	8,7		9,0		8,9	Đạt
157	2223360273	Nguyễn	En - Ny	24/01/2007	02DD15C1	7,0	9,0	8,3		8,0		8,1	Đạt
158	2223360017	Lê Thị Hồng	Gắm	02/06/1999	02DS15C2	8,0	8,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
159	1223240022	Nguyễn Huỳnh	Giang	20/10/2003	01DS15A2	10,0	9,8	9,8		10,0		9,9	Đạt
160	1223240013	Nguyễn Thị Trúc	Giang	03/07/2003	01KT15A1	10,0	10,0	10,0		10,0		10,0	Đạt
161	1223240024	Nguyễn Thành	Giang	25/06/1995	01DS15B1	10,0	0,0	3,3	TBKT			1,3	Học lại
162	1223240066	Trần Ngọc Trúc	Giang	27/08/2004	01YS15A1	6,5	7,5	7,2		7,0		7,1	Đạt
163	2223240129	Hồ Thị	Giang	09/12/2000	02DN15B1	8,0	8,0	8,0		10,0		9,2	Đạt
164	2223360126	Trần Hương	Giang	12/03/2007	02DS15C1	9,0	10,0	9,7		7,0		8,1	Đạt
165	2223360059	Trịnh Văn	Giàu	20/10/1993	02YS15D1	9,0	9,5	9,3		10,0		9,7	Đạt
166	1223240004	Nguyễn Thị	Hà	02/10/1994	01DS15B1	9	8	8,3		8		8,1	Đạt
167	2223360016	Trần Ngọc Thanh	Hà	23/07/2000	02TW15D1	10,0	8,0	8,7		8,0		8,3	Đạt
168	2223360178	Trần Thị Thanh	Hà	09/08/1988	02DS15D2	8,0	8,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
169	2223360224	Nguyễn Thị	Hà	19/01/2001	02DD15C2	10,0	9,0	9,3		10,0		9,7	Đạt
170	1223360188	Lê Đình Nam	Hải	27/12/2007	01DH15C1	10,0	8,5	9,0		8,5		8,7	Đạt
171	2223360105	Nguyễn Thanh	Hải	26/03/2005	02BK15A4	10,0	10,0	10,0		10,0		10,0	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	
172	2223240242	Trần Xuân	Hàn	24/12/2003	02PM15A1	9,0	9,0	9,0		9,0		9,0	Đạt
173	1223360234	Cao Đức	Hạnh	03/02/2007	01PM15C1	8,5	8,5	8,5		9,0		8,8	Đạt
174	2223240081	Lê Văn	Hạnh	12/07/2003	02BK15A3	9,0	7,5	8,0		8,0		8,0	Đạt
175	2223240137	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	09/04/1996	02KT15E2	6,0	8,0	7,3		10,0		8,9	Đạt
176	2223240147	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	08/03/2001	02DS15A2	10,0	8,0	8,7		10,0		9,5	Đạt
177	1223360151	Đỗ Anh	Hào	23/04/2007	01DS15C1	8,0	8,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
178	2223360184	Trần Khang	Hào	05/04/2006	02DH15C1	5,0	6,0	5,7		5,0		5,3	Đạt
179	2223360342	Phạm Thế	Hào	27/06/2007	02MK15C1	6,0	8,0	7,3		7,0		7,1	Đạt
180	1223240007	Lâm Thị	Hào	02/08/2001	01YS15A1	8	8	8,0		8,5		8,3	Đạt
181	1223360229	Phan Trần Thu	Hằng	17/08/2007	01DD15C1	8,0	8,0	8,0		6,0		6,8	Đạt
182	2223240103	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	03/05/2002	02DS15A2	7,0	7,0	7,0		7,0		7,0	Đạt
183	2223360113	Võ Minh	Hằng	20/03/2007	02MK15C1	5,0	5,0	5,0		5,0		5,0	Đạt
184	2223360122	Nguyễn Thị Cẩm	Hằng	05/09/2007	02DD15C1	8,0	7,0	7,3		8,0		7,7	Đạt
185	1223360030	Phùng Gia	Hân	26/04/2007	01DS15C1	8,0	7,5	7,7		7,0		7,3	Đạt
186	1223360058	Trần Gia	Hân	30/10/2007	01DH15C1	8,0	8,5	8,3		8,5		8,4	Đạt
187	1223360232	Nguyễn Gia	Hân	02/12/2007	01KT15C1	8,0	7,0	7,3		7,5		7,4	Đạt
188	2223360124	Nguyễn Bảo Ngọc	Hân	15/07/2007	02PL15C1	5,0	5,0	5,0		5,0		5,0	Đạt
189	2223240154	Phạm Gia	Hân	07/06/1996	02DS15A2	10,0	9,0	9,3		9,0		9,1	Đạt
190	2223360291	Trương Gia	Hân	07/06/2007	02DD15C1	6,0	7,0	6,7		6,0		6,3	Đạt
191	2223360300	Lương Kim Bảo	Hân	15/02/2006	02DD15C2	8,0	9,0	8,7		6,0		7,1	Đạt
192	2223180087	Dương Ngọc	Hân	24/10/1987	02YS15B1	6,5	7,5	7,2		7,0		7,1	Đạt
193	1223360013	Phạm Trúc	Hậu	19/10/2004	01YS15C1	6,0	7,8	7,2		8,0		7,7	Đạt
194	2223240196	Trần Thanh	Hậu	22/11/2003	02YS15A2	9,0	7,0	7,7		8,0		7,9	Đạt
195	3223240003	Nguyễn Thị	Hiên	25/10/1990	02KT15E1	10,0	10,0	10,0		10,0		10,0	Đạt
196	1223360146	Lê Trọng	Hiên	15/05/2007	01MK15C1	8,0	7,0	7,3		8,0		7,7	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
197	2223240127	Bùi Thị Hiền	09/10/2002	02DD15B1	7,5	8,0	7,8		5,0		6,1	Đạt
198	2223360541	Nguyễn Duy Hiên	03/02/1999	02YS15C1	7,0	7,0	7,0		7,0		7,0	Đạt
199	2223360031	Ngô Quang Hiệp	19/04/2002	02DD15C1	10,0	7,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
200	2223360320	Nguyễn Hồ Thanh Hiệp	23/09/2007	02DH15C2	6,0	7,0	6,7		5,0		5,7	Đạt
201	1223360250	Nguyễn Trung Hiếu	01/02/2007	01DN15C1	8,0	7,5	7,7		8,5		8,2	Đạt
202	1223360101	Trần Hiếu	29/01/2007	01DN15C1	7,0	7,0	7,0		8,5		7,9	Đạt
203	2223240118	Hồ Trung Hiếu	08/02/2003	02YS15B1	7,0	7,5	7,3		7,0		7,1	Đạt
204	2223360150	Phạm Đức Hiếu	22/12/2007	02DH15C1	5,0	5,0	5,0		5,0		5,0	Đạt
205	2223360335	Đặng Văn Hiếu	04/11/2007	02TM15C1	6,0	9,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
206	3223240018	Ngô Thái Hòa	19/08/1998	02KT15E2	10,0	7,5	8,3		10		9,3	Đạt
207	2223360283	Trần Như Châu Thanh Hòa	16/04/2007	02KT15C1	6,0	7,0	6,7		6,0		6,3	Đạt
208	2223240018	Hoàng Thị Hoài	08/03/1990	02DD15B1	9,5	8,0	8,5		8,0		8,2	Đạt
209	1223360249	Bùi Thị Phương Hoàn	03/05/2007	01DS15C1	8,0	7,5	7,7		8,5		8,2	Đạt
210	2223360343	Huỳnh Đặng Khải Hoàn	24/03/2007	02PM15C1	5,0	8,0	7,0		8,0		7,6	Đạt
211	2223240245	Lê Văn Hoàn	27/07/1998	02DL15A1	9,0	9,0	9,0		10,0		9,6	Đạt
212	1223360007	Thạch Huy Hoàng	28/01/2002	01YS15C1	7,5	9,3	8,7		9,0		8,9	Đạt
213	2223240031	Thái Lê Lý Mỹ Hoàng	16/09/2000	02KT15B1	9,0	7,0	7,7		7,5		7,6	Đạt
214	2223360191	Trần Gia Hoàng	01/01/2007	02YS15C1	5,0	10,0	8,3		7,0		7,5	Đạt
215	2223360319	Trần Nguyễn Văn Hoàng	26/12/2006	02DS15C1	6,0	7,0	6,7		6,0		6,3	Đạt
216	2223360322	Ngô Minh Hoàng	13/07/2007	02DH15C2	7,0	9,0	8,3		7,0		7,5	Đạt
217	3223240002	Phạm Thị Kim Hồ	20/10/1994	02KT15E2	10,0	10,0	10,0		10,0		10,0	Đạt
218	1223360026	Nguyễn Thị Ánh Hồng	30/07/2004	01DH15C1	6,0	7,8	7,2		10,0		8,9	Đạt
219	2223240017	Lê Thị Hồng	17/10/1990	02YS15B1	8,0	8,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
220	2223360092	Nguyễn Thị Cẩm Hồng	08/01/2002	02MK15D1	7,5	8,0	7,8		6,0		6,7	Đạt
221	2223360006	Võ Thị Hồng	02/06/1991	02DS15C2	10,0	10,0	10,0		10,0		10,0	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	
222	2223360241	Nguyễn Thanh Thu	Hồng	16/12/2007	02PM15C1	10,0	10,0	10,0		9,0		9,4	Đạt
223	2223240011	Nguyễn Thị	Huệ	14/02/1985	02DS15B1	10,0	9,0	9,3		9,0		9,1	Đạt
224	1223360211	Nguyễn Hoàng Lâm	Hùng	15/07/2007	01MK15C1	8,0	7,0	7,3		9,0		8,3	Đạt
225	2223240132	Nguyễn	Hùng	21/01/2002	02YS15B1	7,0	8,0	7,7		10,0		9,1	Đạt
226	2223360198	Đặng Thế	Hùng	21/12/2006	02DL15C1	10,0	8,0	8,7		5,0		6,5	Đạt
227	1223240023	Nguyễn Quốc	Huy	24/01/2003	01TM15A1	9,5	9,5	9,5		10,0		9,8	Đạt
228	1223240041	Đỗ Vương	Huy	26/04/2001	01DS15A2	9,5	9,8	9,7		10,0		9,9	Đạt
229	1223360219	Nguyễn Phạm Xuân	Huy	30/03/2007	01DH15C1	8,0	7,5	7,7		7,0		7,3	Đạt
230	1223360097	Phạm Văn	Huy	27/05/2007	01KT15C1	8,0	7,0	7,3		8,0		7,7	Đạt
231	2223360021	Hoàng Quốc	Huy	14/03/1994	02KT15D1	9,0	10,0	9,7		10,0		9,9	Đạt
232	2223240092	Nguyễn Văn	Huy	14/11/2003	02YS15A2	10,0	10,0	10,0		7,5		8,5	Đạt
233	2223240057	Nguyễn Quốc	Huy	31/07/2003	02PM15A1	8,5	7,5	7,8		9,5		8,8	Đạt
234	2223360138	Mai Quốc	Huy	04/01/2003	02PL15C1	6,0	7,0	6,7		6,0		6,3	Đạt
235	2223240035	Nguyễn Khắc	Huy	15/09/2000	02TW15A1	10,0	9,0	9,3		10,0		9,7	Đạt
236	2223360152	Nguyễn Phước Gia	Huy	26/01/2007	02DS15C1	7,0	9,0	8,3		5,0		6,3	Đạt
237	2223360243	Lê Quang	Huy	06/01/2007	02TM15C1	5,0	6,0	5,7		8,0		7,1	Đạt
238	2223240228	Vũ Hoàng Minh	Huy	10/10/2004	02YS15B1	9,0	7,5	8,0		7,0		7,4	Đạt
239	2223240243	Đặng Quang	Huy	17/01/2003	02YS15B1	7,0	7,5	7,3		7,5		7,4	Đạt
240	2223360479	Nguyễn Đặng Bảo	Huy	21/05/2007	02DH15C3	5,0	7,0	6,3		5,0		5,5	Đạt
241	2223240203	Lê Đức	Huy	22/02/2004	02YS15A2	9,0	9,0	9,0		8,0		8,4	Đạt
242	2223240083	Trần Thị Kim	Huyền	15/05/2003	02YS15A2	9,0	9,0	9,0		8,0		8,4	Đạt
243	2223360090	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	22/12/2003	02YS15C1	8,0	7,0	7,3		8,0		7,7	Đạt
244	2223360026	Mai Thị	Huyền	03/06/1999	02YS15D1	10,0	10,0	10,0		10,0		10,0	Đạt
245	2223240258	Phạm Thị Ngọc	Huyền	22/03/2001	02KT15B1	7,5	9,0	8,5		10,0		9,4	Đạt
246	1223360077	Nguyễn Thị Như	Huỳnh	12/03/2007	01DH15C1	10,0	8,0	8,7		9,0		8,9	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	
247	2223360567	Nguyễn Thị Như	Huỳnh	07/01/2006	02DS15C2	10,0	7,0	8,0		10,0		9,2	Đạt
248	2223240121	Nguyễn Trung	Hung	01/11/2000	02DD15A2	10,0	10,0	10,0		10,0		10,0	Đạt
249	2223240135	Lê Đức	Hung	07/09/1985	02DS15B2	8,0	8,0	8,0		10,0		9,2	Đạt
250	2223360215	Đỗ Phước	Hung	07/02/2004	02DH15C1	6,0	7,0	6,7		5,0		5,7	Đạt
251	1223240050	Hà Thị	Huong	19/09/1995	01DS15B1	9,0	10,0	9,7		9,5		9,6	Đạt
252	3223240031	Nguyễn Thị Thu	Huong	13/01/1994	02KT15E2	6,5	7,5	7,2		7,0		7,1	Đạt
253	2223240120	Lê Thị	Hường	02/09/1996	02MK15B1	6,5	8,0	7,5		10,0		9,0	Đạt
254	1223360226	Mai Trọng	Hữu	08/04/2006	01YS15C1	8,0	8,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
255	1223360060	Nguyễn Văn	Kiên	14/01/2007	01PM15C1	8,0	7,5	7,7		7,0		7,3	Đạt
256	1223360078	Mai Trung	Kiên	08/11/2005	01PM15C1	7,0	6,0	6,3		7,5		7,0	Đạt
257	2223360096	Tạ Trung	Kiên	22/07/2002	02DS15D1	10,0	9,5	9,7		7,5		8,4	Đạt
258	1223240042	Trần Tuấn	Kiệt	01/06/2001	01TM15A1	10,0	10,0	10,0		10,0		10,0	Đạt
259	1223360084	Lê Anh	Kiệt	20/08/2007	01KT15C1	9,0	9,0	9,0		10,0		9,6	Đạt
260	1223360185	Huỳnh Anh	Kiệt	04/02/2007	02DL15C1	9,0	9,0	9,0		8,5		8,7	Đạt
261	2223360120	Lê Tuấn	Kiệt	01/12/2005	02MK15C1	10,0	9,0	9,3		9,0		9,1	Đạt
262	2223360203	Phạm Thị Lệ	Kiều	01/06/1994	02YS15D1	7,5	8,0	7,8		6,0		6,7	Đạt
263	2223360193	Trần Thái	Kim	26/10/2007	02DH15C1	5,0	5,0	5,0		5,0		5,0	Đạt
264	2223360317	Nguyễn Văn	Khải	17/06/2005	02DS15C1	8,0	5,0	6,0		9,0		7,8	Đạt
265	1223360006	Đoàn Minh	Khang	08/08/2006	01TM15C1	8,3	8,3	8,3		8,0		8,1	Đạt
266	1223360198	Nguyễn Ngô Tấn	Khang	20/09/2007	01PM15C1	9,0	8,0	8,3		7,5		7,8	Đạt
267	1223360118	Nguyễn Tuấn	Khang	07/11/2007	01KT15C1	9,0	9,0	9,0		9,0		9,0	Đạt
268	2223360163	Phạm Minh	Khang	01/01/2006	02TM15C1	5,0	7,0	6,3		5,0		5,5	Đạt
269	2223360498	Nguyễn Trọng	Khang	14/12/2007	02DL15C1	7,0	7,0	7,0		6,0		6,4	Đạt
270	1223360214	Nguyễn Duy Gia	Khánh	07/11/2007	01TM15C1	7,5	8,0	7,8		7,0		7,3	Đạt
271	2223360098	Lương Thùy Mỹ	Khánh	03/09/2004	02KT15C1	8,0	7,5	7,7		8,5		8,2	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	
272	2223360179	Trịnh Huy	Khánh	14/09/2006	02DH15C1	10,0	5,0	6,7		8,0		7,5	Đạt
273	2223240021	Lê Quốc	Khánh	22/04/2001	02TM15A1	10,0	10,0	10,0		10,0		10,0	Đạt
274	2223360103	Trần Vương	Khánh	10/08/2007	02DH15C1	6,0	8,0	7,3		5,0		5,9	Đạt
275	2223360167	Trương Trung	Khánh	01/09/2007	02DH15C1	5,0	8,0	7,0		5,0		5,8	Đạt
276	1223360194	Phạm Anh	Khoa	07/02/2007	01DH15C1	10,0	10,0	10,0		9,0		9,4	Đạt
277	1223360247	Phan Hoàng Anh	Khoa	10/08/2007	01KT15C1	8,0	8,0	8,0				3,2	Thi lại
278	1223360098	Nguyễn Hoàng Anh	Khoa	06/10/2007	01PM15C1	9,0	7,5	8,0		8,0		8,0	Đạt
279	1223360170	Trương Nguyễn Đăng	Khoa	30/09/2007	01PM15C1	7,0	7,5	7,3		9,0		8,3	Đạt
280	2223360033	Nguyễn Thị Đăng	Khoa	02/08/2003	02DS15C1	8,0	6,0	6,7		9,0		8,1	Đạt
281	2223360061	Nguyễn Hoàng Đăng	Khoa	04/02/2003	02KT15C1	8,0	8,0	8,0		6,0		6,8	Đạt
282	2223360216	Hứa Nguyễn Đăng	Khoa	01/01/2006	02DH15C1	7,0	9,0	8,3		9,0		8,7	Đạt
283	2223240202	Nguyễn Đăng	Khoa	14/08/2004	02YS15A2	9,0	7,0	7,7		8,0		7,9	Đạt
284	1223360061	Lương Hoàng Anh	Khôi	07/11/2007	01DH15C1	7,5	7,0	7,2		7,0		7,1	Đạt
285	1223360192	Võ Trần Đăng	Khôi	22/01/2007	01TM15C1	8,0	7,0	7,3		8,0		7,7	Đạt
286	2223360100	Dương Minh	Khôi	02/08/2006	02DD15C1	8,0	7,0	7,3		8,0		7,7	Đạt
287	2223360114	Dương Tấn	Khôi	18/09/2004	02DN15C1	10,0	10,0	10,0		10,0		10,0	Đạt
288	2223360260	Trương Trần Mạnh	Khôi	11/04/2007	02DH15C2	8,0	6,0	6,7		8,0		7,5	Đạt
289	2223360504	Nguyễn Minh	Khôi	24/06/2006	02DH15C3	5,0	7,0	6,3		6,0		6,1	Đạt
290	1223240032	Trương Mạnh	Khương	14/07/1997	02KT15E1	10,0	8,0	8,7		9,0		8,9	Đạt
291	2223240224	Bùi Thị Mạnh	Khương	05/02/1996	02DS15B2	8,5	8,5	8,5		8,5		8,5	Đạt
292	2223240215	Dương Ngọc	Khương	05/06/2004	02DS15A2	9,0	9,0	9,0		8,0		8,4	Đạt
293	1223240035	Phan Trường	Lam	02/08/1999	02DH15B1	10,0	10,0	10,0		10,0		10,0	Đạt
294	1223360041	Chiêm Ngọc Trúc	Lam	12/09/2007	01YS15C1	7,0	6,0	6,3		6,5		6,4	Đạt
295	2223360200	Vũ Diệp	Lam	14/07/2007	02DD15C1	5,0	10,0	8,3		5,0		6,3	Đạt
296	1223360127	Dương Uyên Nhược	Lan	10/08/2007	01DS15C1	7,0	7,0	7,0				2,8	Thi lại

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	
297	2223360508	Trần Phước	Lành	17/06/1991	02DN15D1	7,0	7,0	7,0		7,0		7,0	Đạt
298	1223360056	Đặng Hoàng	Lâm	20/07/2007	01DD15C1	8,0	7,0	7,3		8,5		8,0	Đạt
299	2223360080	Đinh Công	Lâm	16/02/2003	02PM15C1	9,0	8,0	8,3		8,5		8,4	Đạt
300	2223360570	Nguyễn Hoàng	Lâm	15/11/1996	02YS15D1	6,5	7,5	7,2		7,0		7,1	Đạt
301	1223240045	Phùng Văn	Lập	01/06/1991	01DS15B1	9,0	10,0	9,7		10,0		9,9	Đạt
302	1223240016	Đặng Ngọc Phương	Linh	31/05/2003	01DS15A2	8,0	8,0	8,0		10,0		9,2	Đạt
303	1223240011	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	10/12/1997	02KT15E1	10,0	10,0	10,0		9,5		9,7	Đạt
304	1223360068	Phan Gia	Linh	05/06/2007	01KT15C1	8,0	7,0	7,3		7,5		7,4	Đạt
305	1223360074	Nguyễn Ngọc Thùy	Linh	22/08/2007	01DD15C1	9,0	9,0	9,0		8,0		8,4	Đạt
306	1223360075	Nguyễn Ngọc Thúy	Linh	22/08/2007	01DD15C1	8,0	7,0	7,3		7,0		7,1	Đạt
307	1223360163	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	13/07/2007	01DS15C1	7,0	7,0	7,0		7,0		7,0	Đạt
308	2223240015	Nguyễn Phan Hoài	Linh	24/12/1999	02YS15B1	5,0	5,0	5,0		5,0		5,0	Đạt
309	3223240001	Lê Thị Khánh	Linh	06/03/1998	02DN15E1	8,0	8,0	8,0		7,0		7,4	Đạt
310	2223240084	Đỗ Thị Yền	Linh	06/03/2003	02DS15A2	10,0	10,0	10,0		10,0		10,0	Đạt
311	2223360128	Lê Thị Thùy	Linh	01/08/2003	02DS15C2	9,0	9,0	9,0		8,0		8,4	Đạt
312	2223360073	Trần Nhật	Linh	04/04/1999	02MK15D1	8,0	8,5	8,3		8,0		8,1	Đạt
313	2223360051	Nguyễn Thị	Linh	03/09/2002	02YS15D1	9,0	8,5	8,7		10,0		9,5	Đạt
314	2223240020	Đặng Trần Mỹ	Linh	21/06/2001	02DS15A2	7,5	8,0	7,8		8,0		7,9	Đạt
315	2223360125	Tạ Nguyễn Khánh	Linh	26/06/2007	02DD15C1	5,0	6,0	5,7		5,0		5,3	Đạt
316	2223360186	Nguyễn Nhựt	Linh	07/05/2007	02YS15C1	5,0	7,0	6,3		5,0		5,5	Đạt
317	2223360295	Phan Thị Thùy	Linh	30/03/2007	02DD15C1	5,0	5,0	5,0		5,0		5,0	Đạt
318	3223240030	Nguyễn Thùy	Linh	25/12/1996	02KT15E2	7,0	9,0	8,3		8,5		8,4	Đạt
319	2223360495	Đỗ Khánh	Linh	09/08/2006	02DN15C1	9,0	8,0	8,3		9,0		8,7	Đạt
320	2223360503	Mai Bảo Ngọc	Linh	21/08/2004	02DN15C1	9,0	8,0	8,3		7,0		7,5	Đạt
321	2223240226	Lê Thị Khánh	Linh	08/10/2004	02YS15A2	5,0	7,0	6,3		7,0		6,7	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TBM Lần 1	
								4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1
	1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	
322	2223360323	Phạm Ngọc Thanh	Loan	19/08/2007	02KT15C1	9,0	9,0	9,0		7,0		7,8	Đạt
323	1223360009	Lê Thanh	Long	03/09/2003	01KT15C1	9,0	8,8	8,8		10,0		9,5	Đạt
324	1223360027	Đoàn Minh	Long	16/04/2007	01DS15C1	7,0	8,5	8,0		7,0		7,4	Đạt
325	2223360353	Mai Kha	Long	05/09/2007	02DH15C2	6,0	9,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
326	1223240056	Nguyễn Thị Thiên	Lộc	27/01/2004	01YS15A1	10,0	8,0	8,7		9,0		8,9	Đạt
327	1223360141	Nguyễn Hữu	Lộc	03/11/2007	01KT15C1	10,0	8,0	8,7		8,5		8,6	Đạt
328	1223360193	Võ Minh	Lộc	08/07/2007	01TM15C1	8,0	7,0	7,3		8,5		8,0	Đạt
329	2223240033	Võ Phước	Lộc	11/04/2002	02YS15B1	8,0	8,5	8,3		10,0		9,3	Đạt
330	2223360068	Trần Thanh Phước	Lộc	24/12/1988	02DS15D2	10,0	8,0	8,7		9,0		8,9	Đạt
331	2223360352	Trần Phúc	Lộc	25/09/2007	02PM15C1	7,0	9,0	8,3		8,0		8,1	Đạt
332	2223360564	Huỳnh Tuấn	Lộc	20/12/2005	02DH15C3	6,0	6,0	6,0		8,0		7,2	Đạt
333	2223360097	Nguyễn Tiến	Lợi	14/10/2001	02PM15C2	10,0	10,0	10,0		7,5		8,5	Đạt
334	2223360020	Nguyễn Xuân	Lợi	18/08/2001	02DD15C1	8,5	9,0	8,8		9,0		8,9	Đạt
335	3223240019	Đào Đức	Lợi	10/01/1998	02KT15E2	10,0	10,0	10,0		10		10,0	Đạt
336	2223360506	Lý Hữu	Lợi	02/07/2005	02PM15C2	8,0	9,0	8,7		7,0		7,7	Đạt
337	2223360544	Hồ Hồng	Lựa	01/07/1998	02MK15D1	7,5	8,0	7,8		8,0		7,9	Đạt
338	2223360532	Lý Hồng	Lựa	05/06/2007	02DS15C2	9,0	7,0	7,7		8,0		7,9	Đạt
339	2223360236	Lê Thành	Luân	21/05/2007	02DN15C1	10,0	8,0	8,7		10,0		9,5	Đạt
340	1223360064	Đoàn Khánh	Ly	24/08/2007	01DD15C1	9,0	7,5	8,0		8,0		8,0	Đạt
341	1223240038	Đào Thị	Mai	20/12/1997	01DS15B1	10,0	9,0	9,3		9,0		9,1	Đạt
342	1223360088	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	27/01/2005	01DS15C1	7,0	7,0	7,0		7,0		7,0	Đạt
343	1223360049	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	23/01/2007	01DS15C1	7,0	6,5	6,7				2,7	Thi lại
344	2223360530	Nguyễn Thị Sao	Mai	17/06/1987	02PL15C1	7,0	9,0	8,3		8,0		8,1	Đạt
345	2223180061	Nguyễn Thị Tuyết	Măng	27/01/1989	02DD15B1	8,0	8,0	8,0		7,0		7,4	Đạt
346	1223360122	Trần Minh	Mẫn	28/02/2007	01PM15C1	7,0	7,0	7,0		7,0		7,0	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	
347	2223360556	Nguyễn Minh	Mẫn	26/10/2004	02PM15C2	9,0	9,0	9,0		10,0		9,6	Đạt
348	2223360303	Phạm Mộc	Miên	20/10/2007	02DS15C2	6,0	9,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
349	1223360091	Phan Hoài	Minh	26/12/2007	01TM15C1	7,0	7,5	7,3		7,0		7,1	Đạt
350	2223360135	Ngô Thị Tú	Minh	07/10/2001	02DS15D2	9,0	8,5	8,7		6,0		7,1	Đạt
351	2223240107	Phạm Hữu	Minh	19/10/1988	02DS15B2	9,0	8,5	8,7		10,0		9,5	Đạt
352	2223360274	Nguyễn Cao Thế	Minh	07/10/2006	02TM15C1	7,0	6,0	6,3		9,0		7,9	Đạt
353	2223240262	Đình Quang	Minh	23/06/2004	02YS15A2	10,0	9,0	9,3		10,0		9,7	Đạt
354	2223360569	Phạm Nhật	Minh	01/07/2006	02DS15C2	8,0	5,0	6,0		6,0		6,0	Đạt
355	2223360072	Chiếng Séc	Muộn	09/10/1999	02TM15C1	6,0	6,0	6,0		8,0		7,2	Đạt
356	2223240122	Đặng Thị Diễm	My	20/04/2003	02YS15A2	8,0	8,0	8,0		8,5		8,3	Đạt
357	2223240039	Võ Nguyễn Hoàng	My	05/04/2003	02DD15B1	10,0	9,5	9,7		9,5		9,6	Đạt
358	2223360168	Võ Nguyễn Hồng	My	01/02/2007	02DL15C1	5,0	5,0	5,0		5,0		5,0	Đạt
359	2223360549	Lưu Lê Trà	My	21/02/2007	02YS15C1	8,0	8,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
360	1223360079	Nguyễn Hoàng	Mỹ	02/05/2007	01TM15C1	8,0	8,0	8,0		7,5		7,7	Đạt
361	2223360133	Bùi Hoài	Nam	06/02/2004	02MK15C1	8,5	8,0	8,2		8,5		8,4	Đạt
362	2223240047	Vũ Nhật	Nam	29/06/2002	02DD15B1	7,5	7,0	7,2		7,0		7,1	Đạt
363	2223360294	Nguyễn Hoàng	Nam	30/01/2007	02PM15C1	5,0	10,0	8,3		9,0		8,7	Đạt
364	2223360568	Phạm Thành	Nam	16/09/2004	02DS15C2	8,0	5,0	6,0		8,0		7,2	Đạt
365	2223240200	Dương Hồ Nhật	Nam	31/07/2004	02YS15A2	9,0	9,0	9,0		9,0		9,0	Đạt
366	2223360507	Phan Hồ	Nam	04/08/2006	02DL15C1	5,0	6,0	5,7		7,0		6,5	Đạt
367	2223360552	Phạm Thị Hoài	Nam	05/02/2005	02YS15C1	8,0	9,0	8,7		8,0		8,3	Đạt
368	2223360553	Nguyễn Đức	Nam	29/06/2005	02PM15C2	8,0	6,0	6,7		8,0		7,5	Đạt
369	2223240199	Lê Thùy Hà	Ni	22/03/1989	02DS15B2	7,0	7,5	7,3		7,0		7,1	Đạt
370	3223240010	Đoàn Nhất	Nương	29/12/1992	02KT15E2	8,0	8,0	8,0		8,5		8,3	Đạt
371	2223360110	Nguyễn Lê Minh	Ny	25/12/2007	01DN15C1	8,0	7,5	7,7		7,0		7,3	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	
372	2223240197	Lê Thị Tuyết	Ny	31/07/2004	02MK15B1	7,0	7,5	7,3		7,0		7,1	Đạt
373	1223360166	Nguyễn Thị Thúy	Nga	15/09/2007	01DS15C1	7,0	7,5	7,3		7,5		7,4	Đạt
374	2223240261	Trần Thị	Nga	28/08/1982	02DD15B1	7,5	7,5	7,5		7,5		7,5	Đạt
375	2223360566	Dương Thúy	Nga	34577	02DS15D2	7,0	7,5	7,3		7,5		7,4	Đạt
376	3223240032	Nguyễn Thị Hồng	Nga	15/08/2001	02KT15E2	7,0	7,5	7,3		8,5		8,0	Đạt
377	1223360014	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	04/10/1999	01DH15C1	7,0	7,5	7,3		10,0		8,9	Đạt
378	1223360032	Trương Nguyễn Thu	Ngân	03/04/2007	01DS15C2	8,0	6,0	6,7		7,0		6,9	Đạt
379	1223360181	Trần Thị Ngọc	Ngân	28/11/2007	01DS15C1	7,5	7,0	7,2		7,0		7,1	Đạt
380	1223360129	Châu Kim	Ngân	11/10/2007	01DS15C1	10,0	9,0	9,3		9,5		9,4	Đạt
381	1223360178	Huỳnh Thị Kim	Ngân	25/05/2007	01DD15C1	7,5	7,0	7,2		7,0		7,1	Đạt
382	1223360203	Phạm Dương Thùy	Ngân	19/02/2002	02PL15C1	8,0	7,5	7,7		7,0		7,3	Đạt
383	1223240075	Nguyễn Thị Quyền	Ngân	15/04/2002	01DS15A2	10,0	8,0	8,7		10,0		9,5	Đạt
384	1223360243	Trần Thị	Ngân	16/05/2003	02KT15E1	7,0	6,5	6,7		7,0		6,9	Đạt
385	1223240052	Đặng Kim	Ngân	05/06/2003	01KT15A1	7,0	7,0	7,0		7,0		7,0	Đạt
386	1223360227	Phạm Ngọc Tuyết	Ngân	28/02/2007	01KT15C1	8,5	8,0	8,2		8,0		8,1	Đạt
387	1223360235	Trần Nguyễn Quỳnh	Ngân	18/08/2007	01DD15C1	8,0	8,5	8,3		6,0		6,9	Đạt
388	1223360124	Võ Thu	Ngân	08/01/2007	01KT15C1	8,0	7,5	7,7		9,0		8,5	Đạt
389	1223360132	Phan Thị Thanh	Ngân	26/02/2007	01DS15C1	8,0	6,5	7,0		6,0		6,4	Đạt
390	2223360101	Nguyễn Huỳnh Khánh	Ngân	14/12/2005	02YS15C1	8,0	8,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
391	2223360121	Nguyễn Thanh	Ngân	30/10/2007	02DS15C1	5,0	7,0	6,3		6,0		6,1	Đạt
392	2223360288	Trần Bảo	Ngân	20/10/2007	02DS15C1	5,0	6,0	5,7		5,0		5,3	Đạt
393	2223360338	Trần Quang	Ngân	23/07/2004	02DS15C1	6,0	9,0	8,0		7,0		7,4	Đạt
394	2223360517	Nguyễn Hoàng Kim	Ngân	21/11/1994	02YS15D1	7,0	7,0	7,0		7,0		7,0	Đạt
395	2223240208	Lê Hoàng Thanh	Ngân	11/11/2004	02DS15A2	7,0	7,0	7,0		5,0		5,8	Đạt
396	2223360515	Huỳnh Nguyễn Hoàng	Ngân	14/05/2006	02DS15C2	9,0	7,0	7,7		8,0		7,9	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	
397	2223360555	Phạm Thị Thu	Ngân	09/05/2000	02MK15D1	9,0	8,0	8,3		10,0		9,3	Đạt
398	1223360244	Nguyễn Thị Thanh	Nghi	04/08/2007	01DH15C1	8,0	7,5	7,7		6,5		7,0	Đạt
399	1223360143	Đàm Xuân	Nghi	08/06/2007	01DD15C1	8,0	7,0	7,3				2,9	Thi lại
400	1223360147	Hồ Bảo	Nghi	15/02/2007	01DH15C1	6,0	6,0	6,0		8,5		7,5	Đạt
401	1223360092	Lê Trọng	Nghĩa	06/12/2007	01TM15C1	8,0	7,5	7,7		8,5		8,2	Đạt
402	2223360529	Phạm Trung	Nghĩa	26/09/2007	02DS15C2	9,0	9,0	9,0		10,0		9,6	Đạt
403	1223240006	Trần Hồ Mỹ	Ngọc	01/01/2003	01DD15A1	8,5	9	8,8		9		8,9	Đạt
404	1223360010	Cao Hồng	Ngọc	28/03/2006	01DD15C1	7,5	7,8	7,7		10,0		9,1	Đạt
405	1223360024	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngọc	10/06/2007	01DN15C1	9,0	8,5	8,7		7,5		8,0	Đạt
406	1223360109	Lê Thị	Ngọc	05/01/2007	01YS15C1	7,0	7,0	7,0		7,0		7,0	Đạt
407	1223360120	Trịnh Hồng	Ngọc	17/11/2007	01PM15C1	8,0	8,0	8,0		9,0		8,6	Đạt
408	1223360175	Nguyễn Văn Thiên	Ngọc	18/09/2007	01DS15C1	8,0	7,5	7,7		7,0		7,3	Đạt
409	2223240099	Nguyễn Long	Ngọc	22/08/2003	02DN15A1	9,0	8,0	8,3		7,0		7,5	Đạt
410	2223360076	Lê Đình	Ngọc	13/08/2001	02DH15C1	9,0	7,5	8,0		7,0		7,4	Đạt
411	2223240030	Ngô Tuyến	Ngọc	31/07/2001	02DH15B1	10,0	8,5	9,0		10,0		9,6	Đạt
412	2223240073	Nguyễn Huỳnh Bảo	Ngọc	07/03/2003	02YS15A2	8,0	8,0	8,0		9,0		8,6	Đạt
413	2223360148	Ngô Mỹ	Ngọc	07/10/2007	02DL15C1	5,0	6,0	5,7		5,0		5,3	Đạt
414	2223360234	Võ Âu Bảo	Ngọc	13/09/2007	02DD15C1	6,0	8,0	7,3		9,0		8,3	Đạt
415	2223360301	Nguyễn Hồng	Ngọc	12/02/2007	02MK15C1	7,0	9,0	8,3		8,0		8,1	Đạt
416	2223360486	Hồ Văn	Ngọc	10/03/2003	02DH15D1	7,5	7,5	7,5		7,0		7,2	Đạt
417	2223240234	Ngô Xuân Mỹ	Ngọc	20/05/1992	02YS15B1	7,5	8,0	7,8		8,0		7,9	Đạt
418	3223180018	Bùi Thị Minh	Ngọc	09/02/1982	02KT15E1	7,0	7,0	7,0		7,0		7,0	Đạt
419	2223240248	Võ Kim	Ngọc	01/06/2004	02DH15A3	9,0	7,0	7,7		8,0		7,9	Đạt
420	1223240030	Nguyễn Phương	Nguyễn	23/12/2001	01DS15A2	10,0	9,8	9,8		10,0		9,9	Đạt
421	2223360058	Trần Thị Thanh	Nguyễn	24/01/2004	02DD15C1	10,0	6,0	7,3		9,5		8,6	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	
422	2223240008	Võ Nguyễn Hạnh	Nguyên	17/10/2000	02DH15A1	9,0	9,0	9,0		10,0		9,6	Đạt
423	2223240236	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	13/03/2003	02MK15A1	9,0	9,0	9,0		8,0		8,4	Đạt
424	2223360196	Trần	Nguyễn	26/05/2007	02PL15C1	5,0	8,0	7,0		5,0		5,8	Đạt
425	1223240059	Bùi Thị Thu	Nguyệt	06/10/2004	01YS15A1	8,5	8,0	8,2		7,5		7,8	Đạt
426	2223360057	Nguyễn Hồng	Ngư	21/02/1994	02DN15D1	7,5	7,5	7,5				3,0	Thi lại
427	1223240076	Trần Ngọc Đan	Nhã	06/01/1997	01YS15A1	10,0	7,0	8,0		9,0		8,6	Đạt
428	2223360348	Trần Nguyễn Hòa	Nhã	22/11/2007	02DH15C2	6,0	7,0	6,7		8,0		7,5	Đạt
429	1223360197	Nguyễn Đình Thiện	Nhân	12/06/2007	01YS15C1	9,0	7,5	8,0		7,0		7,4	Đạt
430	2223360484	Nguyễn Văn	Nhân	15/06/1995	02MK15D1	6,5	7,5	7,2		7,5		7,4	Đạt
431	2223240145	Phạm Tấn	Nhất	11/05/1996	02KT15A1	6,0	5,0	5,3		6,0		5,7	Đạt
432	2223360042	Đặng Xuân	Nhật	10/11/2001	02DH15C1	10,0	7,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
433	2223240195	Đào Tấn	Nhật	27/04/2004	02YS15A2	10,0	9,0	9,3		6,0		7,3	Đạt
434	1223240064	Lê Nguyễn Huỳnh	Nhi	08/04/2004	01DS15A2	10,0	7,0	8,0		10,0		9,2	Đạt
435	1223240046	Trần Thị Hồng	Nhi	29/10/1998	02KT15E1	7,5	8,5	8,2		8,0		8,1	Đạt
436	1223240072	Lê Phương	Nhi	20/12/2003	01DS15A2	10,0	5,0	6,7		9,0		8,1	Đạt
437	1223240074	Trương Thị Huỳnh	Nhi	18/12/2004	01YS15A1	10,0	8,0	8,7		9,0		8,9	Đạt
438	1223360115	Trương Nguyệt	Nhi	19/03/2007	01KT15C1	8,0	8,0	8,0		7,5		7,7	Đạt
439	1223360152	Hà Ngọc	Nhi	06/03/2007	01DH15C1	8,0	7,5	7,7		7,0		7,3	Đạt
440	2223360078	Nguyễn Phạm Nguyệt	Nhi	25/05/2006	02YS15C1	8,0	10,0	9,3		10,0		9,7	Đạt
441	2223240126	Lê Thị Yến	Nhi	22/07/2001	02PM15A2	8,0	8,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
442	2223360069	Phạm Thảo	Nhi	09/07/1996	02KT15D1	7,0	8,0	7,7		7,5		7,6	Đạt
443	2223240124	Vũ Thị Yến	Nhi	27/07/2000	02YS15B1	8,5	8,0	8,2		9,0		8,7	Đạt
444	2223240067	Võ Tuệ	Nhi	29/01/2001	02DD15A2	10,0	5,0	6,7		7,0		6,9	Đạt
445	3223240020	Võ Ngọc Kiều	Nhi	24/09/1998	02DS15B2	8,5	9,0	8,8		8,5		8,6	Đạt
446	2223360118	Nguyễn Phú Huỳnh	Nhi	26/11/2007	02DS15C1	5,0	5,0	5,0		5,0		5,0	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	
447	2223360144	Phùng Yến	Nhi	21/11/2007	02DD15C2	7,0	9,0	8,3		7,0		7,5	Đạt
448	2223360145	Đinh Thị Ái	Nhi	12/07/2007	02DN15C1	6,0	5,0	5,3		5,0		5,1	Đạt
449	2223360182	Lê Ngọc Yến	Nhi	11/09/2007	02DH15C1	5,0	6,0	5,7		5,0		5,3	Đạt
450	2223360304	Nguyễn Thiên	Nhi	23/07/2007	02DS15C1	6,0	9,0	8,0		7,0		7,4	Đạt
451	2223360340	Trần Yến	Nhi	26/11/2007	02YS15C1	9,0	10,0	9,7		10,0		9,9	Đạt
452	2223240235	Trịnh Thị Yến	Nhi	30/12/2004	02YS15A2	10,0	10,0	10,0		9,0		9,4	Đạt
453	1223360148	Trần Thị Phi	Nhung	05/06/2007	01DD15C1	8,5	7,5	7,8		7,0		7,3	Đạt
454	1223240068	Lê Thụy Hồng	Nhung	11/02/2004	01DH15A1	10,0	6,0	7,3		9,0		8,3	Đạt
455	1223240079	Phan Thị Thùy	Nhung	30/01/1999	01MK15A1	8,0	8,5	8,3		7,0		7,5	Đạt
456	2223360533	Lý Hồng	Nhung	04/10/2005	02DS15C2	9,0	8,0	8,3		7,0		7,5	Đạt
457	1223360021	Nguyễn Phương	Như	05/08/2005	01DH15C1	7,0	6,0	6,3				2,5	Thi lại
458	1223360023	Phan Thị Quỳnh	Như	26/09/2007	01DS15C1	7,5	7,0	7,2		7,0		7,1	Đạt
459	1223360048	Phạm Thị Huỳnh	Như	19/10/2007	01DS15C1	7,0	7,0	7,0		7,0		7,0	Đạt
460	2223240111	Nguyễn Thị Tổ	Như	37531	02YS15A2	9,0	9,0	9,0		9,0		9,0	Đạt
461	2223360151	Hồ Quỳnh	Như	04/09/2005	02DS15C1	6,0	5,0	5,3		5,0		5,1	Đạt
462	2223360183	Nguyễn Ngọc Yến	Như	22/05/2007	02DD15C1	5,0	5,0	5,0		5,0		5,0	Đạt
463	2223360254	Lê Võ Khánh	Như	21/12/2007	02DS15C1	6,0	9,0	8,0		6,0		6,8	Đạt
464	2223360276	Lê Thái Tâm	Như	07/12/2007	02DH15C2	5,0	7,0	6,3		8,0		7,3	Đạt
465	2223360282	Hồ Quỳnh	Như	29/11/2007	02YS15C1	6,0	8,0	7,3		8,0		7,7	Đạt
466	2223360344	Trần Ngọc	Như	16/11/2007	02KT15C1	6,0	8,0	7,3		7,0		7,1	Đạt
467	2223360502	Trần Linh	Như	31/05/2006	02YS15C1	6,0	7,0	6,7		5,0		5,7	Đạt
468	2223240206	Trịnh Thị Yến	Như	04/10/2003	02DD15B1	7,0	8,0	7,7		7,5		7,6	Đạt
469	2223240023	Nguyễn Thị	Nhường	06/11/1980	02DD15B1	10,0	10,0	10,0		10,0		10,0	Đạt
470	1223360042	Mai Thanh	Nhật	12/12/2006	01KT15C1	8,0	7,5	7,7		8,5		8,2	Đạt
471	2223360023	Phạm Nguyễn Minh	Nhật	29/12/2006	02DH15C1	10,0	5,0	6,7		6,0		6,3	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	
472	2223240022	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	26/04/1985	02DD15B1	7,0	8,0	7,7		8,0		7,9	Đạt
473	2223360157	Trương Nguyễn Kiều	Oanh	29/04/2007	02DD15C1	6,0	9,0	8,0		5,0		6,2	Đạt
474	2223360346	Nguyễn Thị Kim	Oanh	04/12/2007	02DH15C2	5,0	6,0	5,7		5,0		5,3	Đạt
475	2223240207	Võ Phan Kiều	Oanh	19/11/2004	02YS15A2	6,0	7,0	6,7		8,0		7,5	Đạt
476	2223360082	Trần Ngọc Hưng	Phát	30/04/2005	02DD15C2	8,5	7,0	7,5		7,5		7,5	Đạt
477	2223240055	Nguyễn Thành	Phát	27/06/2000	02KT15B1	8,5	9,0	8,8		10,0		9,5	Đạt
478	3223240008	Lương Thiêm	Phát	19/04/1998	02KT15E2	10,0	10,0	10,0		10		10,0	Đạt
479	2223240250	Nguyễn Ông	Phát	27/02/1994	02DS15B2	7,5	8,0	7,8		8,0		7,9	Đạt
480	2223240211	Phan Hồng	Phấn	19/10/2004	02DS15A2	10,0	9,0	9,3		8,0		8,5	Đạt
481	1223360153	Bùi Đình	Phi	07/10/2007	01DH15C1	8,5	7,5	7,8		8,5		8,2	Đạt
482	1223360043	Trần Tuấn	Phong	04/07/2007	01DH15C1	8,0	8,0	8,0		8,5		8,3	Đạt
483	1223360239	Phan Thanh	Phong	19/10/2007	01TM15C1	7,0	8,0	7,7		7,5		7,6	Đạt
484	1223360173	Lê Huy	Phong	10/05/2007	01DH15C1	8,0	8,5	8,3		10,0		9,3	Đạt
485	2223360297	Trịnh Đoàn Tuấn	Phong	19/08/2007	02DD15C1	9,0	9,0	9,0		10,0		9,6	Đạt
486	2223360305	Vũ Đình	Phong	25/12/2007	02DH15C2	10,0	5,0	6,7		9,0		8,1	Đạt
487	2213360004	Nguyễn Vũ Hoàng	Phong	09/02/2004	02DL15C1	5,0	5,0	5,0		5,0		5,0	Đạt
488	1223360106	Thượng Văn	Phú	17/11/2007	01PM15C1	7,0	7,0	7,0				2,8	Thi lại
489	2223360188	Nguyễn Minh	Phú	26/03/2007	02DN15C1	10,0	9,0	9,3		9,0		9,1	Đạt
490	2223360298	Phạm Thiên	Phú	01/04/2007	02PM15C1	5,0	9,0	7,7		6,0		6,7	Đạt
491	2223360545	Lê Văn	Phú	08/11/2004	02MK15C1	6,5	6,5	6,5		7,0		6,8	Đạt
492	1223360208	Nguyễn Thanh	Phúc	04/10/2007	01TM15C1	9,0	9,0	9,0		9,0		9,0	Đạt
493	1223360217	Thân Thị Hoàng	Phúc	11/03/2007	01DS15C1	8,5	7,5	7,8		7,0		7,3	Đạt
494	1223360282	Lê Đại	Phúc	28/07/2005	01DS15C2	8,0	5,0	6,0		8,0		7,2	Đạt
495	1223360160	Huỳnh Văn	Phúc	14/02/2007	01PM15C1	8,0	8,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
496	1223360184	Võ Trọng	Phúc	07/02/2007	01PM15C1	8,0	7,0	7,3			6,0	2,9	Thi lại

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	
497	3223240023	Nguyễn Hoàng	Phúc	08/04/2001	02KT15E2	8,0	7,5	7,7		8		7,9	Đạt
498	2223360205	Phạm Nguyễn Thiên	Phúc	16/12/2006	02PM15C1	8,0	8,0	8,0		5,0		6,2	Đạt
499	2223360481	Nguyễn Phạm Hồng	Phúc	06/03/2004	02DN15C1	8,0	8,0	8,0		5,0		6,2	Đạt
500	2223360494	Lê Văn	Phúc	21/02/2007	02MK15C1	10,0	7,0	8,0		6,0		6,8	Đạt
501	2223240227	Nguyễn Hoàng	Phúc	01/01/2004	02YS15B1	9,0	7,5	8,0		8,0		8,0	Đạt
502	1223360057	Cao Kim	Phụng	27/04/2007	01KT15C1	9,0	9,0	9,0		9,0		9,0	Đạt
503	2223240222	Lê Thị Kim	Phụng	15/08/2004	02DD15A2	8,0	8,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
504	1223360236	Hồ Văn	Phước	07/11/2007	01TM15C1	9,0	6,0	7,0		7,0		7,0	Đạt
505	2223360037	Phạm Hoàng	Phước	09/02/1997	02YS15D1	9,5	7,5	8,2		10,0		9,3	Đạt
506	2223360336	Lý Hữu	Phước	15/06/2007	02PM15C1	5,0	9,0	7,7		8,0		7,9	Đạt
507	1223360066	Nguyễn Thị Mỹ	Phương	25/09/2007	01DD15C1	7,0	7,0	7,0		7,0		7,0	Đạt
508	1223360183	Phan Thị Trúc	Phương	22/06/2007	01KT15C1	9,0	7,0	7,7		7,0		7,3	Đạt
509	1223240060	Đặng Ngọc	Phương	24/10/2004	01YS15A1	7,5	8,0	7,8		6,5		7,0	Đạt
510	1223360251	Phan Khánh	Phương	22/04/2007	01DD15C1	7,0	7,5	7,3		6,5		6,8	Đạt
511	2223360001	Nguyễn Huỳnh Hồng	Phương	22/09/2006	02DH15D1	5,0	6,0	5,7		7,0		6,5	Đạt
512	2223240117	Lê Đình	Phương	23/04/2001	02DD15A2	10,0	10,0	10,0		8,0		8,8	Đạt
513	2223240051	Lê Kim	Phương	28/10/2003	02DS15A1	8,0	7,0	7,3		7,0		7,1	Đạt
514	2223360156	Phạm Trần Hà	Phương	13/04/2004	02DS15C1	10,0	8,0	8,7		6,0		7,1	Đạt
515	2223360129	Lê Nguyễn Ngọc	Phương	14/06/2007	02DD15C1	5,0	8,0	7,0		5,0		5,8	Đạt
516	2223360226	Nguyễn Ngọc Hà	Phương	16/06/2007	02DS15C1	7,0	9,0	8,3		9,0		8,7	Đạt
517	2223360326	Huỳnh Thị Minh	Phương	31/12/2006	02DH15C2	6,0	7,0	6,7		5,0		5,7	Đạt
518	2223360332	Nguyễn Thị Hồng	Phương	08/07/2007	02KT15C1	8,0	8,0	8,0		7,0		7,4	Đạt
519	2223360350	Đặng Thị Trúc	Phương	15/10/2007	02DD15C1	6,0	9,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
520	2223360475	Nguyễn Phùng Mỹ	Phương	05/09/2007	02DH15C3	8,0	10,0	9,3		5,0		6,7	Đạt
521	2223360534	Nguyễn Hoàng Tiểu	Phương	27/06/2006	02KT15C1	10,0	7,0	8,0		5,0		6,2	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	
522	2223240054	Võ Thị Kim	Phượng	11/10/1991	02YS15B1	8,5	8,0	8,2		7,0		7,5	Đạt
523	2223240116	Trần Đoàn Cẩm	Phượng	15/08/2001	02DS15B2	6,0	7,5	7,0		6,0		6,4	Đạt
524	2223240102	Thái Hồ	Quang	20/07/1999	02YS15B1	9,0	8,5	8,7		10,0		9,5	Đạt
525	2223360496	Nguyễn Chí	Quang	03/11/2007	02DH15C3	8,0	7,0	7,3		7,0		7,1	Đạt
526	1223360168	Võ Minh	Quân	10/06/2007	01PM15C1	10,0	7,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
527	1223360116	Lê Hoàng	Quân	24/01/2007	01TM15C1	8,0	7,0	7,3				2,9	Thi lại
528	2223360119	Phạm Nguyễn Hoàng	Quân	06/03/2005	02PM15C1	9,0	8,5	8,7		8,0		8,3	Đạt
529	2223240070	Lê Minh	Quân	15/06/2002	02YS15B1	9,0	9,0	9,0		7,5		8,1	Đạt
530	2223360159	Trần Minh	Quân	17/12/2005	02PM15C1	7,0	9,0	8,3		7,0		7,5	Đạt
531	2223360290	Dương Trung	Quân	12/01/2007	02YS15C1	6,0	9,0	8,0		10,0		9,2	Đạt
532	2223360309	Lê Hoàng	Quân	21/09/2007	02PM15C1	6,0	7,0	6,7		7,0		6,9	Đạt
533	2223360542	Huỳnh Ngọc Minh	Quân	13/08/2005	02KT15C1	6,0	6,0	6,0		7,0		6,6	Đạt
534	2223240112	Trần Anh	Quốc	13/07/2002	02YS15A2	8,5	6,5	7,2		8,0		7,7	Đạt
535	2223240072	Nguyễn Anh	Quốc	20/03/1993	02DS15B2	10,0	8,0	8,7		9,5		9,2	Đạt
536	1223360044	Trần Bảo	Quy	09/01/2007	01DH15C1	10,0	8,5	9,0		9,0		9,0	Đạt
537	1223360107	Thượng Văn	Quý	17/11/2007	01TM15C1	8,0	7,5	7,7		7,5		7,6	Đạt
538	1223360126	Ngô Tổ	Quyên	21/09/2007	01MK15C1	9,0	7,5	8,0		7,0		7,4	Đạt
539	2223240037	Vũ Thị	Quyên	12/06/1984	02DD15B1	7,0	7,5	7,3				2,9	Thi lại
540	2213360381	Trần Lê Thảo	Quyên	11/12/2003	02BK15A2	10,0	6,0	7,3		6,0		6,5	Đạt
541	2223240176	Thống Quý	Quyền	25/10/2004	02DH15A3	10,0	9,0	9,3		8,0		8,5	Đạt
542	2223360189	Trần Xuân	Quyển	25/10/2003	02TM15C1	7,0	5,0	5,7		6,0		5,9	Đạt
543	1223360002	Trương Ngọc Diễm	Quỳnh	18/11/2000	01YS15C1	8	8	8,0		8,5		8,3	Đạt
544	1223360087	Nguyễn Lê Như	Quỳnh	30/12/2007	01DS15C1	7,0	7,0	7,0		7,0		7,0	Đạt
545	2223360169	Lê Phạm Như	Quỳnh	26/02/2007	02DN15C1	5,0	9,0	7,7		5,0		6,1	Đạt
546	2223360170	Nguyễn Ánh Kim	Sa	28/11/2007	02DS15C1	5,0	8,0	7,0		5,0		5,8	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
547	1223360005	Nguyễn Tấn Sang	02/07/2004	01TM15C1	8,0	5,0	6,0		6,0		6,0	Đạt
548	2223240002	Nguyễn Thanh Sang	11/09/1996	02DS15B1	10,0	10,0	10,0		10,0		10,0	Đạt
549	2223360104	Vũ Minh Sang	06/12/2006	02DH15C1	7,0	7,0	7,0		8,0		7,6	Đạt
550	2223240066	Võ Thị Ngọc Sang	01/10/1985	02DD15B1	8,0	8,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
551	2223360278	Nguyễn Thanh Sang	14/03/2007	02DH15C2	9,0	10,0	9,7		10,0		9,9	Đạt
552	2223360512	Phạm Thanh Sang	25/12/2006	02DH15C3	6,0	5,0	5,3		6,0		5,7	Đạt
553	2223240069	Trần Thị Sâm	12/11/2003	02DD15B1	9,0	7,5	8,0		10,0		9,2	Đạt
554	2223240241	Ngô Thị Sinh	17/04/1996	02KT15E2	7,5	8,0	7,8		8,5		8,2	Đạt
555	1223240002	Nguyễn Công Sơn	08/07/2001	01DS15A2	9	9	9,0		9		9,0	Đạt
556	1223360089	Nguyễn Võ Bình Sơn	21/10/2007	01PM15C1	9,0	7,0	7,7		8,0		7,9	Đạt
557	2223360242	Tô Nguyễn Trường Sơn	08/06/2007	02DH15C1	6,0	8,0	7,3		6,0		6,5	Đạt
558	2223240218	Nguyễn Đình Sơn	01/06/2004	02YS15A2	8,0	9,0	8,7		7,0		7,7	Đạt
559	1223360218	Trần Công Sung	23/04/2007	01DN15C1	7,5	6,5	6,8		7,0		6,9	Đạt
560	2223240253	Nguyễn Đăng Sỹ	23/08/2004	02YS15A2	8,0	8,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
561	1223240014	Trần Nhật Tài	26/01/2002	01TM15C1	9,8	9,3	9,4		10,0		9,8	Đạt
562	2223360055	Trương Tấn Tài	29/01/2003	02DH15C1	10,0	9,0	9,3		9,0		9,1	Đạt
563	2223360062	Nguyễn Đức Tài	12/12/2002	02DH15C1	10,0	5,0	6,7		8,0		7,5	Đạt
564	2223360018	Đỗ Phú Thành Tài	03/06/2006	02DS15C1	7,5	8,0	7,8		8,5		8,2	Đạt
565	2223360277	Nguyễn Tấn Tài	27/10/2007	02DH15C2	8,0	7,0	7,3		9,0		8,3	Đạt
566	1223240031	Lê Thị Minh Tâm	26/04/2003	01DS15A2	9,5	9,5	9,5		10,0		9,8	Đạt
567	1223360055	Nguyễn Tuệ Tâm	19/10/2007	01MK15C1	7,0	7,0	7,0		7,0		7,0	Đạt
568	1223240062	Lê Thị Mỹ Tâm	25/04/2004	01DS15A2	9,0	9,5	9,3		9,0		9,1	Đạt
569	2223240044	Trần Thiện Tiến Tâm	14/02/1995	02DH15B1	9,0	8,5	8,7		7,5		8,0	Đạt
570	2223240078	Phạm Đồng Tâm	25/10/1995	02MK15B1	8,0	8,0	8,0		10,0		9,2	Đạt
571	2223240217	Thái Thị Phương Tâm	23/04/2004	02YS15A2	10,0	7,0	8,0		6,0		6,8	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
572	1223240008	Nguyễn Văn Tân	01/05/1998	02KT15E2	8,5	9	8,8		9		8,9	Đạt
573	1223360050	Đoàn Duy Tân	05/01/2007	01TM15C1	10,0	10,0	10,0		10,0		10,0	Đạt
574	2223240213	Phạm Lê Nhật Tân	09/01/2002	02DS15B2	7,5	7,5	7,5		7,5		7,5	Đạt
575	2223240058	Nông Thị Tem	25/02/1999	02PL15A1	10,0	7,5	8,3		8,0		8,1	Đạt
576	2223240075	Võ Thanh Mỹ Tiên	25/08/1994	02DS15A2	10,0	10,0	10,0		10,0		10,0	Đạt
577	2223240087	Đặng Huỳnh Thủy Tiên	13/11/2003	02MK15A1	9,0	7,0	7,7		7,5		7,6	Đạt
578	2223360261	Lê Thảo Tiên	27/01/2006	02DS15C1	9,0	9,0	9,0		8,0		8,4	Đạt
579	2223240238	Trần Thị Mỹ Tiên	20/02/1998	02YS15B1	8,0	10,0	9,3		10,0		9,7	Đạt
580	1223360281	Trần Minh Tiến	07/09/2007	01MK15C1	9,0	5,0	6,3		7,0		6,7	Đạt
581	1223360067	Nguyễn Nho Trương Tiến	05/01/2007	01MK15C1	9,0	8,0	8,3		10,0		9,3	Đạt
582	1223360113	Phạm Kim Tiến	11/04/2007	01TM15C1	8,0	8,0	8,0		9,0		8,6	Đạt
583	2223360158	Nguyễn Tiến	24/02/2007	02DS15C1	5,0	9,0	7,7		5,0		6,1	Đạt
584	2223360325	Võ Minh Tiến	25/09/2007	02PM15C1	6,0	9,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
585	1223360233	Đỗ Trọng Tín	12/11/2007	01DH15C1	8,0	8,0	8,0		9,0		8,6	Đạt
586	2223240157	Đào Trung Tín	09/12/2002	02KT15A1	9,0	10,0	9,7		10,0		9,9	Đạt
587	1223360189	Lê Nguyễn Chí Tình	02/09/2007	01DH15C1	9,0	7,5	8,0		7,5		7,7	Đạt
588	1223360104	Nguyễn Võ Thanh Toàn	20/08/2007	01DS15C1	7,5	6,5	6,8		7,0		6,9	Đạt
589	1223360221	Nguyễn Phước Toàn	21/12/2007	01YS15C1	9,0	9,5	9,3		9,5		9,4	Đạt
590	1223360071	Nguyễn Đức Toàn	11/03/2004	02KT15D1	8,0	8,0	8,0		10,0		9,2	Đạt
591	2223360511	Phan Thanh Toàn	25/10/2006	02TM15C1	10,0	9,0	9,3		7,0		7,9	Đạt
592	2223240259	Phạm Lê Duy Toàn	25/09/2004	02PL15A1	10,0	9,0	9,3		8,0		8,5	Đạt
593	2223360505	Võ Trung Toán	06/12/1997	02DN15D1	10,0	10,0	10,0		10,0		10,0	Đạt
594	2223240028	Trần Tiến Tới	13/09/2003	02YS15A2	7,5	8,0	7,8		8,0		7,9	Đạt
595	1223360086	Kha Thái Tú	05/08/2007	01YS15C1	9,0	7,5	8,0		9,0		8,6	Đạt
596	1223240071	Nguyễn Nho Tú	01/02/2004	01PM15A1	10,0	9,0	9,3		9,0		9,1	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	
597	1223360138	Dương Thị Cẩm	Tú	14/06/2007	01DS15C1	8,5	8,0	8,2		5,5		6,6	Đạt
598	2223240091	Trần Thị Cẩm	Tú	12/08/2003	02DS15A2	10,0	8,0	8,7		7,0		7,7	Đạt
599	1223240009	Lê Thị Cẩm	Tú	22/01/2000	02KT15E2	9,0	9,5	9,3		9		9,1	Đạt
600	3223240011	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	07/03/2001	02KT15E2	8,5	8,5	8,5		8		8,2	Đạt
601	3223240016	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	30/08/1990	02KT15E2	8,0	8,0	8,0		8,5		8,3	Đạt
602	2223360123	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	14/02/2007	02DD15C1	9,0	9,0	9,0		8,0		8,4	Đạt
603	2223360252	Cao Thanh	Tú	07/05/2006	02DH15C3	7,0	9,0	8,3		9,0		8,7	Đạt
604	2223360538	Đinh Thị Cẩm	Tú	03/06/2006	02KT15C1	6,0	10,0	8,7		5,0		6,5	Đạt
605	2223360548	Phạm Lê Minh	Tú	19/09/2006	02DH15C3	5,0	5,0	5,0		5,0		5,0	Đạt
606	1223360039	Lê Hoàng	Tuấn	18/09/2007	01YS15C1	7,5	6,5	6,8		6,5		6,6	Đạt
607	1223360128	Diệp Minh	Tuấn	10/03/2007	01PM15C1	8,0	8,5	8,3		8,0		8,1	Đạt
608	2223240096	Phù Chí	Tuấn	25/02/2003	02YS15A2	10,0	10,0	10,0		10,0		10,0	Đạt
609	2223360099	Lương Minh	Tuấn	16/06/1985	02MK15D1	9,0	8,5	8,7		7,0		7,7	Đạt
610	2223240128	Đào Đạt	Tuấn	08/04/1998	02KT15B1	7,5	8,5	8,2		6,0		6,9	Đạt
611	2223360063	Nguyễn Anh	Tuấn	19/03/2003	02TM15C1	10,0	9,0	9,3		6,0		7,3	Đạt
612	2223240009	Trần Anh	Tuấn	19/11/1996	02DH15A1	7,0	7,0	7,0		7,5		7,3	Đạt
613	2223360249	Phan Huỳnh Minh	Tuấn	02/12/2007	02PM15C1	7,0	8,0	7,7		9,0		8,5	Đạt
614	1223360200	Võ Phan Thanh	Tùng	23/10/2007	01TM15C1	9,0	9,0	9,0		9,0		9,0	Đạt
615	2223360247	Võ Lê Thanh	Tùng	08/01/2007	02YS15C1	5,0	7,0	6,3		8,0		7,3	Đạt
616	1223360034	Nguyễn Thị Mộng	Tuyền	01/09/2007	01KT15C1	8,0	6,0	6,7		7,5		7,2	Đạt
617	1223360035	Trần Thị Thanh	Tuyền	12/07/2007	01MK15C1	9,0	8,5	8,7		7,5		8,0	Đạt
618	1223360114	Nguyễn Đặng Mộng	Tuyền	28/10/2007	01KT15C1	8,5	7,5	7,8		7,0		7,3	Đạt
619	2223240230	Trần Thị Ngọc	Tuyền	18/01/2004	02KT15A1	10,0	10,0	10,0		8,0		8,8	Đạt
620	1223360162	Nguyễn Hoàng	Thái	25/07/2007	01PM15C1	8,0	7,5	7,7		8,5		8,2	Đạt
621	2223240049	Nguyễn Văn	Thái	23/02/1997	02YS15B1	10,0	7,5	8,3		9,5		9,0	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	
622	1223240036	Lê Thị Phương	Thanh	31/08/2003	01DS15C1	9,5	9,0	9,2		10,0		9,7	Đạt
623	1223240015	Lý Văn	Thanh	06/01/1968	01DS15B1	10,0	9,5	9,7		10,0		9,9	Đạt
624	1223360202	Trần Thị Phương	Thanh	01/12/2004	01MK15C1	8,0	6,0	6,7		5,5		6,0	Đạt
625	2223360081	Huỳnh Thị	Thanh	21/10/2001	02DN15C1	10,0	7,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
626	2223360038	Lê Hồ Bá	Thanh	16/08/1994	02DS15D2	10,0	9,0	9,3		10,0		9,7	Đạt
627	2223360520	Trần Phương	Thanh	05/05/2007	02MK15C1	10,0	5,0	6,7		6,0		6,3	Đạt
628	1223360280	Phạm Thị	Thành	24/08/1984	01DS15D1	7,0	7,5	7,3		7,5		7,4	Đạt
629	1223360237	Hồ Tấn	Thành	10/08/2007	01PM15C1	9,0	9,5	9,3		10,0		9,7	Đạt
630	2223360007	Nguyễn Hoàng	Thành	12/12/2000	02DN15D1	5,0	5,0	5,0		7,0		6,2	Đạt
631	2223360217	Nguyễn Thiện Hoàn	Thành	05/03/2003	02DH15C1	8,0	9,0	8,7		5,0		6,5	Đạt
632	2223360218	Nguyễn Ngọc Quốc	Thành	21/09/2007	02YS15C1	9,0	7,0	7,7		9,0		8,5	Đạt
633	2223360306	Nguyễn Chí	Thành	19/10/2006	02PM15C1	6,0	5,0	5,3		5,0		5,1	Đạt
634	2223240252	Đặng Tấn	Thành	22/11/2004	02KT15A1	10,0	8,0	8,7		6,0		7,1	Đạt
635	1223240026	Cao Thị Phương	Thảo	03/08/2003	01DS15A2	9,5	9,3	9,3		10,0		9,7	Đạt
636	2223360521	Mai Thị Phương	Thảo	09/01/2005	01YS15C1	8,0	8,0	8,0		6,0		6,8	Đạt
637	1223360174	Nguyễn Thị Thu	Thảo	15/10/2007	01PM15C1	9,0	9,0	9,0		9,0		9,0	Đạt
638	1223360110	Đặng Thị Thanh	Thảo	19/06/2003	01MK15C1	10,0	9,0	9,3		9,5		9,4	Đạt
639	1223240067	Nguyễn Thị Phương	Thảo	05/10/1999	02KT15E1	7,0	8,0	7,7		8,5		8,2	Đạt
640	2223360134	Phạm Thị Hương	Thảo	20/07/2003	02DD15C2	8,0	8,0	8,0		6,0		6,8	Đạt
641	2223240106	Nguyễn Thanh	Thảo	17/09/2002	02YS15B1	6,5	8,0	7,5		10,0		9,0	Đạt
642	2223360003	Dương Thị Bé	Thảo	29/09/1995	02DS15C1	10,0	10,0	10,0		10,0		10,0	Đạt
643	2223360011	Trần Ngọc Thanh	Thảo	23/04/2005	02DD15C1	8,5	9,0	8,8		8,5		8,6	Đạt
644	3223240015	Hồ Thị Xuân	Thảo	16/06/1999	02KT15E2	8,0	8,0	8,0		8		8,0	Đạt
645	2223360197	Nguyễn Thị	Thảo	28/05/2006	02MK15C1	7,0	7,0	7,0		7,0		7,0	Đạt
646	1223360167	Phạm Hồng	Thắm	14/05/2007	01KT15C1	8,0	7,5	7,7		7,0		7,3	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	
647	2223240232	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	12/01/2004	02PL15A1	10,0	8,0	8,7		6,0		7,1	Đạt
648	1223360099	Phan Võ Quang	Thắng	01/09/2007	01DH15C1	9,0	8,0	8,3		6,5		7,2	Đạt
649	2223240108	Đỗ Văn	Thắng	24/03/2002	02YS15B1	8,0	8,0	8,0		6,5		7,1	Đạt
650	2223360258	Lâm Minh	Thắng	22/07/2007	02MK15C1	10,0	7,0	8,0		7,0		7,4	Đạt
651	2223360518	Nguyễn Quốc	Thắng	01/12/2007	02PM15C2	10,0	6,0	7,3		8,0		7,7	Đạt
652	2223360550	Đàng Thị Kim	Thế	03/09/2002	02DS15C2	9,0	7,0	7,7		7,0		7,3	Đạt
653	1223240073	Bùi Ngọc Anh	Thi	01/07/2003	01DS15A2	10,0	8,0	8,7		10,0		9,5	Đạt
654	2223240209	Lê Thị Kim	Thi	24/08/1996	02MK15B1	7,5	7,5	7,5		7,0		7,2	Đạt
655	1223360179	Trần Ngọc	Thiện	02/10/2007	01TM15C1	8,5	7,5	7,8		7,0		7,3	Đạt
656	2223360514	Lê Minh	Thiện	18/10/2002	02DD15C2	10,0	9,0	9,3		7,0		7,9	Đạt
657	2223360531	Nguyễn Huỳnh Minh	Thiện	17/03/2006	02DS15C2	5,0	5,0	5,0		5,0		5,0	Đạt
658	2223180077	Trần Trung	Thiện	29/06/1989	02YS15B1	6,5	7,5	7,2		7,5		7,4	Đạt
659	2223360488	Lê Phước	Thiện	21/01/2003	02DH15D1	8,5	8,5	8,5		8,5		8,5	Đạt
660	1223360016	Lê	Thịnh	28/02/2006	01DD15C1	7,0	7,5	7,3		10,0		8,9	Đạt
661	1223360190	Lâm Quốc	Thịnh	03/12/2007	01TM15C1	9,0	7,5	8,0		8,0		8,0	Đạt
662	1223360204	Nguyễn Quốc Hưng	Thịnh	03/08/2007	01PM15C1	9,0	8,5	8,7		8,5		8,6	Đạt
663	1223360209	Lâm Phúc	Thịnh	01/03/2007	01PM15C1	8,0	7,5	7,7		6,5		7,0	Đạt
664	2223360136	Nguyễn Phước	Thịnh	02/12/2004	02DL15C1	8,0	7,5	7,7		8,0		7,9	Đạt
665	2223180081	Nguyễn Quang	Thịnh	05/12/1985	02YS15B1	7,5	9,0	8,5		10,0		9,4	Đạt
666	1223360017	Lê Thị Kim	Thoa	26/03/2001	02KT15E1	9,5	10,0	9,8		10,0		9,9	Đạt
667	2223360175	Huỳnh Tấn	Thông	15/12/2003	02MK15C1	10,0	5,0	6,7		8,0		7,5	Đạt
668	1832420472	Trần Văn	Thơ	27/04/1975	02YS12B1	7,0	7,0	7,0		7,0		7,0	Đạt
669	1223360069	Nguyễn Tuyết	Thu	25/08/2007	01DN15C1	7,5	8,0	7,8		7,0		7,3	Đạt
670	2223360524	Trần Minh	Thu	21/08/2004	02KT15C1	10,0	9,0	9,3		6,0		7,3	Đạt
671	2223360527	Nguyễn Thị	Thu	02/02/1986	02YS15D1	7,0	7,0	7,0		7,0		7,0	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	
672	2223240240	Đặng Thị Lệ	Thu	31/07/2001	02YS15A2	9,0	9,0	9,0		9,0		9,0	Đạt
673	1223360045	Trần Nguyễn Quốc	Thuận	14/09/2007	01TM15C1	8,0	8,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
674	2223360009	Võ Minh	Thuận	15/05/2002	02DD15D1	9,0	9,0	9,0		8,0		8,4	Đạt
675	2223240053	Nguyễn Minh	Thuận	11/03/2001	02DS15B2	10,0	7,0	8,0		9,0		8,6	Đạt
676	2223360349	Nguyễn Tấn	Thuận	24/11/2007	02DH15C2	6,0	8,0	7,3		6,0		6,5	Đạt
677	2223360546	Lý Bảo	Thuận	31/01/1989	02DD15D1	7,0	7,5	7,3		7,5		7,4	Đạt
678	1223360053	Phạm Huỳnh Phương	Thùy	12/02/2007	01DH15C1	8,0	9,0	8,7		7,0		7,7	Đạt
679	1223240039	Trần Thị Thanh	Thúy	12/01/1998	01KT15A1	8,0	7,8	7,8		10,0		9,1	Đạt
680	3223240017	Nguyễn Thị Diễm	Thúy	17/12/1998	02KT15E2	8,5	8,5	8,5		8,5		8,5	Đạt
681	1223360180	Lưu Thị Minh	Thùy	02/01/2007	01DS15C1	7,5	5,5	6,2		7,0		6,7	Đạt
682	2223360311	Nguyễn Vũ Ngọc	Thùy	02/12/2000	02DS15C1	6,0	9,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
683	2223240174	Trương Kim	Thùy	08/04/2004	02YS15A2	10,0	8,0	8,7		8,0		8,3	Đạt
684	2223240220	Nguyễn Thị Phương	Thùy	25/11/2004	02YS15A2	10,0	9,0	9,3		6,0		7,3	Đạt
685	2223240048	Trương Thu	Thùy	01/01/1994	02DS15A2	10,0	8,0	8,7		9,5		9,2	Đạt
686	2223240133	Nguyễn Ngọc	Thủy	06/06/1996	02DS15B2	9,0	8,5	8,7		6,0		7,1	Đạt
687	2223360112	Phạm Thị Bích	Thủy	15/10/1983	02DS15D2	6,5	8,0	7,5		6,0		6,6	Đạt
688	1223360177	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	01/05/2006	01DS15C1	8,5	7,5	7,8		7,0		7,3	Đạt
689	2223240005	Nguyễn Thanh	Thúy	05/03/1997	02DN15B1	10,0	9,0	9,3		10,0		9,7	Đạt
690	1223360205	Nguyễn Hoàng	Thuyên	29/08/2007	01PM15C1	10,0	10,0	10,0		10,0		10,0	Đạt
691	1223360195	Trịnh Thị	Thư	11/08/2007	01KT15C1	8,5	8,0	8,2		8,0		8,1	Đạt
692	1223360144	Nguyễn Lê Anh	Thư	01/09/2007	01DS15C1	9,0	7,5	8,0		7,0		7,4	Đạt
693	2223240029	Trần Lê Anh	Thư	27/02/2000	02DD15B1	9,0	8,0	8,3		8,0		8,1	Đạt
694	2223240064	Hoàng Nguyễn Kim	Thư	07/05/2003	02YS15A2	8,0	5,0	6,0		6,0		6,0	Đạt
695	2223360180	Nguyễn Anh	Thư	30/03/2007	02DL15C1	5,0	5,0	5,0		5,0		5,0	Đạt
696	2223360231	Hoàng Kim Anh	Thư	18/03/2006	02DS15C1	7,0	8,0	7,7		9,0		8,5	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	
697	2223360248	Nguyễn Nhựt Minh	Thư	03/01/2007	02YS15C1	10,0	10,0	10,0		7,0		8,2	Đạt
698	2223180058	Nguyễn Minh	Thức	25/11/1985	02DS15B1	7,0	8,0	7,7		6,0		6,7	Đạt
699	2223360194	Nguyễn Hoàng	Thức	08/03/2007	02PM15C1	5,0	9,0	7,7		5,0		6,1	Đạt
700	1223360154	Lê Hạ Hoài	Thương	27/09/2007	01PM15C1	8,0	7,5	7,7		7,5		7,6	Đạt
701	2223240144	Trương Minh Nguyên	Thương	30/08/1994	02DS15A2	8,0	10,0	9,3		8,0		8,5	Đạt
702	2223240216	Võ Thị Hoài	Thương	23/02/2004	02YS15A2	10,0	9,0	9,3		6,0		7,3	Đạt
703	2223360052	Huỳnh Văn	Thường	17/12/2004	02MK15C1	10,0	7,0	8,0		6,0		6,8	Đạt
704	2223180054	Thạch	Thượng	20/12/1997	02BK15A4	8,0	8,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
705	2223360199	Lê Ngọc Bảo	Thy	25/12/2007	02MK15C1	5,0	5,0	5,0		5,0		5,0	Đạt
706	2223180041	Phạm Sơn	Trà	13/10/1989	02YS15B1	10,0	10,0	10,0		10,0		10,0	Đạt
707	1223360216	Bùi Thị Thùy	Trang	12/10/2007	01MK15C1	7,0	7,0	7,0		7,0		7,0	Đạt
708	1223240061	Nguyễn Thị Thuý	Trang	07/03/2004	01DS15A2	10,0	5,0	6,7		8,0		7,5	Đạt
709	1223360164	Nguyễn Thị Thùy	Trang	10/10/2007	01DS15C1	8,0	8,0	8,0		7,5		7,7	Đạt
710	2223240063	Lê Nguyễn Mai	Trang	06/01/2000	02DS15B2	9,0	7,5	8,0		7,5		7,7	Đạt
711	2223360034	Hoàng Thị Thùy	Trang	23/08/2005	02KT15D1	7,5	7,5	7,5		7,0		7,2	Đạt
712	2223240119	Mai Thanh	Trang	15/06/1997	02DD15A1	8,0	8,0	8,0		6,0		6,8	Đạt
713	2223240019	Phạm Minh	Trang	07/02/2000	02MK15A1	10,0	10,0	10,0		10,0		10,0	Đạt
714	2223360172	Huỳnh Ngọc Xuân	Trang	18/12/2007	02TM15C1	8,0	8,0	8,0		7,0		7,4	Đạt
715	2223360250	Lê Ngọc Y	Trang	21/12/2007	02MK15C1	10,0	10,0	10,0		9,0		9,4	Đạt
716	2223360279	Ngô Mỹ	Trang	26/10/2007	02DH15C2	8,0	9,0	8,7		7,0		7,7	Đạt
717	2223360165	Võ Mai	Trang	25/09/2007	01KT15C1	8,0	9,0	8,7		5,0		6,5	Đạt
718	2223360554	Lê Quỳnh	Trang	04/11/2007	02DS15C1	7,0	7,0	7,0		7,5		7,3	Đạt
719	2223240110	Lê Đỗ Hoàng Bảo	Trâm	12/02/1997	02KT15E2	10,0	10,0	10,0		10		10,0	Đạt
720	1223240019	Phan Bích	Trâm	26/10/2001	01DS15A2	8	9	8,7		6		7,1	Đạt
721	1223240020	Phan Ngọc	Trâm	26/10/2001	01DS15A2	8	9	8,7		6		7,1	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
722	2223240060	Đoàn Ngọc Trâm	07/03/2002	01KT15A1	7,0	7,8	7,5		10,0		9,0	Đạt
723	1223360028	Nguyễn Ngọc Phương Trâm	16/05/2007	01DD15C1	7,5	6,5	6,8		7,0		6,9	Đạt
724	1223240083	Phạm Thị Mai Trâm	11/07/2003	02KT15E1	6,5	7,5	7,2		7,5		7,4	Đạt
725	1223360121	Trần Thị Thu Trâm	01/03/2007	01KT15C1	8,0	7,5	7,7		7,5		7,6	Đạt
726	2223360025	Ngô Thị Bích Trâm	07/03/2002	02MK15C1	8,0	6,0	6,7		5,0		5,7	Đạt
727	2223360040	Nguyễn Ngọc Phương Trâm	02/03/2002	02KT15C1	8,0	6,0	6,7		8,0		7,5	Đạt
728	2223360161	Nguyễn Hoàng Ngọc Trâm	09/11/2007	02DH15C1	5,0	8,0	7,0		6,0		6,4	Đạt
729	2223360195	Bùi Lê Ngọc Trâm	02/05/2007	02DH15C1	5,0	6,0	5,7		5,0		5,3	Đạt
730	2223360228	Nguyễn Ngọc Bích Trâm	08/06/2006	02DN15C1	7,0	10,0	9,0		9,0		9,0	Đạt
731	2223240231	Phan Ngọc Trâm	09/01/2004	02KT15A1	10,0	9,0	9,3		10,0		9,7	Đạt
732	2223240246	Bùi Ngọc Trâm	17/10/2001	02DS15A2	8,0	8,0	8,0		6,0		6,8	Đạt
733	3223240028	Đặng Thị Ngọc Trâm	24/02/1998	02KT15E2	8,0	9,0	8,7		9,5		9,2	Đạt
734	1223360008	Đoàn Ngọc Quế Trâm	16/09/2005	01DS15C1	10,0	10,0	10,0		10,0		10,0	Đạt
735	2223360137	Văn Quý Thục Trâm	07/12/2003	02DL15C1	8,0	7,0	7,3		8,0		7,7	Đạt
736	2223240123	Đỗ Trần Bảo Trâm	05/07/2003	02YS15A2	9,0	9,0	9,0		9,0		9,0	Đạt
737	2223360299	Lý Ngọc Bảo Trâm	20/11/2007	02PM15C1	6,0	9,0	8,0		6,0		6,8	Đạt
738	2223360316	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	19/08/2007	02DL15C1	9,0	10,0	9,7		6,0		7,5	Đạt
739	2223360491	Lê Nguyễn Bảo Trâm	11/05/2007	02DH15C3	6,0	5,0	5,3		6,0		5,7	Đạt
740	2223240181	Trương Huyền Nhã Trâm	14/05/2004	02DD15A2	10,0	9,0	9,3		6,0		7,3	Đạt
741	1223360100	Lưu Trần Minh Trí	28/10/2007	01DS15C1	10,0	10,0	10,0		10,0		10,0	Đạt
742	2223360089	Vũ Hoàng Thiên Trí	20/07/2003	02DH15C1	9,0	9,0	9,0		7,5		8,1	Đạt
743	2223240214	Trương Hồ Minh Trí	10/06/2003	02DH15A3	10,0	10,0	10,0		6,0		7,6	Đạt
744	2223360551	Nguyễn Minh Trí	10/11/2007	02TM15C1	9,0	9,0	9,0		5,0		6,6	Đạt
745	2223360272	Nguyễn Minh Triết	05/05/2006	02YS15C1	6,0	5,0	5,3		8,0		6,9	Đạt
746	2223240256	Đoàn Huy Triều	27/08/2002	02YS15B1	8,0	9,5	9,0		8,5		8,7	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	
747	2223360230	Trần Lê Kiều	Trinh	03/10/2006	02DS15C2	7,0	10,0	9,0		9,0		9,0	Đạt
748	2223240155	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	22/01/1998	02DD15A2	7,0	10,0	9,0		9,0		9,0	Đạt
749	2223240065	Nguyễn Ngọc	Triu	25/04/1998	02YS15A2	10,0	10,0	10,0		9,0		9,4	Đạt
750	1223360165	Liêu Minh	Trọng	03/11/2007	01PM15C1	9,0	8,0	8,3		9,0		8,7	Đạt
751	2223240089	Nguyễn Hữu	Trọng	18/08/2000	02YS15B1	8,5	8,5	8,5		10,0		9,4	Đạt
752	2223360207	Phạm Phú	Trọng	07/03/2007	02PM15C1	9,0	7,0	7,7		8,0		7,9	Đạt
753	2223240182	Nguyễn Hoàng Thanh	Trọng	12/10/2004	02YS15A2	6,0	7,0	6,7		6,0		6,3	Đạt
754	1223240043	Trương Thị Thanh	Trúc	26/07/1999	02KT15E1	10,0	9,5	9,7		10,0		9,9	Đạt
755	1223360145	Nguyễn Thanh	Trúc	05/11/2007	01DS15C1	9,0	7,5	8,0		7,5		7,7	Đạt
756	2223360244	Hứa Thị Hạnh	Trúc	21/07/2007	02MK15C1	8,0	6,0	6,7		9,0		8,1	Đạt
757	2223360341	Nguyễn Thanh	Trúc	30/12/2007	02PM15C1	6,0	9,0	8,0		7,0		7,4	Đạt
758	3223240025	Nguyễn Thành	Trung	26/08/1990	02KT15E2	7,0	7,0	7,0		8		7,6	Đạt
759	1223360196	Dương Quốc	Trung	08/09/2007	01PM15C1	10,0	10,0	10,0		9,0		9,4	Đạt
760	1223360199	Nguyễn Thành	Trung	08/06/2007	01TM15C1	8,0	9,0	8,7		8,5		8,6	Đạt
761	2223240013	Trần Đức	Trung	28/02/1999	02YS15B1	10,0	8,0	8,7		9,0		8,9	Đạt
762	2223360232	Võ Phan Phú	Trung	08/04/2007	02MK15C1	10,0	7,0	8,0		9,0		8,6	Đạt
763	2223240212	Nguyễn Quốc	Trung	01/01/2004	02YS15A2	8,0	7,0	7,3		5,0		5,9	Đạt
764	2223240260	Bùi Tấn	Trung	22/08/2004	02YS15B1	7,0	7,5	7,3		8,0		7,7	Đạt
765	1223240044	Nguyễn Tấn	Trương	15/09/1995	01DS15B1	8,0	7,5	7,7		7,5		7,6	Đạt
766	1223360201	Nguyễn Văn	Trường	21/11/2005	01PM15C1	9,0	9,0	9,0		8,5		8,7	Đạt
767	2223360522	Bùi Quang	Trường	27/02/2003	02MK15C1	8,0	5,0	6,0		6,0		6,0	Đạt
768	1223360102	Nguyễn Hoàng Phương	Uyên	17/08/2007	01DS15C1	8,0	8,0	8,0		7,5		7,7	Đạt
769	1223360130	Nguyễn Ngọc Thảo	Uyên	23/05/2007	01MK15C1	8,5	7,5	7,8		6,0		6,7	Đạt
770	2223360012	Lê Thùy	Uyên	22/10/2003	02DD15C2	10,0	10,0	10,0		10,0		10,0	Đạt
771	2223360233	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	19/07/2007	02KT15C1	6,0	7,0	6,7		7,0		6,9	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	
772	2223240205	Đoàn Phương	Uyên	05/01/2004	02DD15B1	7,0		2,3	TBKT	0,0		0,9	Học lại
773	2223360563	Trịnh Kiều Tổ	Uyên	21/02/2003	02MK15C1	7,0	10,0	9,0		6,0		7,2	Đạt
774	2223240192	Nguyễn Thị Mộng	Ước	09/07/2004	02DD15B1	6,5	7,0	6,8		7,5		7,2	Đạt
775	2223360181	Lê Thị Trường	Vang	13/12/1989	02DH15D1	9,0	8,5	8,7		10,0		9,5	Đạt
776	1223360046	Hứa Vĩ	Văn	07/12/2007	01KT15C1	7,5	7,5	7,5		9,0		8,4	Đạt
777	1223240005	Nguyễn Thị Kim	Vân	04/01/2002	01DS15B1	8	10	9,3		9		9,1	Đạt
778	1223180002	Võ Hồng	Vân	06/02/1970	01DS15A2	7,5	8	7,8		8		7,9	Đạt
779	1223240028	Phạm Thị Thúy	Vân	03/03/1992	02YS15A2	6,5	7,8	7,3		8,0		7,7	Đạt
780	2223360005	Trịnh Thị Thúy	Vân	24/06/1998	02DD15C2	10,0	10,0	10,0		10,0		10,0	Đạt
781	2223360214	Lê Ngọc Khả	Vân	28/07/2007	02DN15C1	8,0	9,0	8,7		9,0		8,9	Đạt
782	1223240012	Lê Thị Tường	Vi	01/09/2003	01DS15A2	8,0	7,8	7,8		9,0		8,5	Đạt
783	2223180026	Nguyễn Thái Phương	Vi	04/10/1985	02DS15B1	9,5	10,0	9,8		8,5		9,0	Đạt
784	2223240042	Đỗ Thị Tường	Vi	05/08/1987	02DS15B2	9,0	9,0	9,0		7,5		8,1	Đạt
785	2223240088	Đào Lan	Vi	01/04/1995	02DH15B1	9,0	8,5	8,7		6,0		7,1	Đạt
786	1223240082	Nguyễn Hoài	Vinh	30/04/1999	01TM15A1	10,0	6,0	7,3		9,0		8,3	Đạt
787	2223360557	Nguyễn Thế	Vinh	26/01/2005	02DS15C2	8,0	9,0	8,7		10,0		9,5	Đạt
788	2223240045	Nguyễn Thế	Vĩnh	05/04/1997	02YS15B1	10,0	8,0	8,7		10,0		9,5	Đạt
789	1223360047	Hứa Quang	Vũ	24/11/2005	01YS15C1	10,0	7,5	8,3		9,5		9,0	Đạt
790	3223240014	Đỗ Xuân	Vũ	02/12/1993	02MK15B1	8,5	8,5	8,5		9,5		9,1	Đạt
791	1223360072	Tô Châu Nhật	Vy	10/04/2007	01DS15C1	7,0	7,0	7,0		7,0		7,0	Đạt
792	1223360095	Nguyễn Thị Yển	Vy	06/06/2007	01KT15C1	8,0	8,5	8,3		6,5		7,2	Đạt
793	1223360161	Nguyễn Thị Tuyết	Vy	11/06/2007	01MK15C1	8,0	8,0	8,0		6,5		7,1	Đạt
794	1223360169	Nguyễn Thị Tường	Vy	03/07/2007	01KT15C1	8,0	8,5	8,3		6,5		7,2	Đạt
795	2223360093	Nguyễn Đặng Thanh	Vy	28/10/2001	02DS15C2	9,0	9,0	9,0		9,0		9,0	Đạt
796	2223360043	Đinh Khả	Vy	16/09/2000	02DS15D2	9,0	7,0	7,7		7,0		7,3	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
797	2223240085	Lê Bảo Vy	19/06/2000	02DS15B2	6,0	7,0	6,7				2,7	Thi lại
798	2223240104	Nguyễn Thị Ánh Vy	05/08/1996	02DS15B2	6,0	7,5	7,0				2,8	Thi lại
799	2223240131	Nguyễn Đan Vy	10/08/2002	02YS15B1	7,0	8,0	7,7		6,0		6,7	Đạt
800	2223240026	Thái Triệu Vy	26/02/2002	02YS15A1	8,5	9,0	8,8		9,5		9,2	Đạt
801	2223360140	Lê Nguyễn Tường Vy	03/10/2007	02DD15C1	5,0	8,0	7,0		6,0		6,4	Đạt
802	2223360201	Bùi Ngọc Vân Vy	17/03/2007	02KT15C1	6,0	6,0	6,0		6,0		6,0	Đạt
803	2223360287	Huỳnh Thị Thanh Vy	19/10/2007	02DN15C1	5,0	6,0	5,7		6,0		5,9	Đạt
804	2223360327	Bùi Nguyễn Thanh Vy	27/10/2007	02PM15C1	8,0	9,0	8,7		8,0		8,3	Đạt
805	2223360537	Kim Ngọc Vy	01/09/2005	02MK15C1	10,0	8,0	8,7		6,0		7,1	Đạt
806	2223360562	Nguyễn Thảo Vy	04/03/2007	02DS15C2	9,0	8,0	8,3		8,0		8,1	Đạt
807	2223360281	Ngô Ngọc Minh Xuân	12/08/2007	02YS15C1	8,0	10,0	9,3		8,0		8,5	Đạt
808	1223360105	Nguyễn Thị Kim Xuyên	23/02/2005	01DN15C1	8,0	8,5	8,3		9,5		9,0	Đạt
809	1223360222	Nguyễn Thị Như Ý	11/03/2007	01DH15C1	7,0	7,0	7,0		7,0		7,0	Đạt
810	2223240249	Nguyễn Hoàng Ý	05/08/1997	02DS15B2	6,5	7,5	7,2		7,0		7,1	Đạt
811	1223240051	Trần Ngọc Yển	09/05/1996	02DS15B2	10,0	10,0	10,0		10,0		10,0	Đạt
812	1223360225	Nguyễn Kim Yển	04/12/2007	01DS15C1	8,0	7,0	7,3		7,5		7,4	Đạt
813	2223360160	Nguyễn Hồng Phi Yển	18/07/2007	02DD15C1	5,0	7,0	6,3		6,0		6,1	Đạt
814	2223360246	Trịnh Hoàng Bảo Yển	18/08/2007	02YS15C1	5,0	6,0	5,7		5,0		5,3	Đạt